

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU
GIÁO DỤC NỘI DUNG
PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
TRONG MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

*(Ban hành kèm theo Công văn số 8784/BGDĐT-GDTrH của Bộ trưởng
Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 06 tháng 12 năm 2013)*

HÀ NỘI, THÁNG 12 - 2013

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TÀI LIỆU
GIÁO DỤC NỘI DUNG
PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
TRONG MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

(Lưu hành nội bộ)

HÀ NỘI, THÁNG 12 - 2013

Lời nói đầu

Điều 2 Luật Giáo dục khẳng định: “Mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lí tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Trong sứ mệnh cao cả của mình, ngành giáo dục có nhiệm vụ quan trọng với sự phát triển toàn diện con người Việt Nam, trong đó có việc hình thành ý thức chấp hành pháp luật trong công dân, chống lại những biểu hiện tham nhũng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Giáo dục cho học sinh nội dung, ý thức phòng chống tham nhũng không chỉ góp phần ổn định hoạt động của ngành giáo dục mà còn góp phần trực tiếp vào việc nâng cao chất lượng giáo dục.

Thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014, Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng tài liệu “*Giáo dục phòng, chống tham nhũng trong môn Giáo dục công dân cấp Trung học phổ thông*”, nhằm trang bị cho học sinh trung học phổ thông (THPT) những kiến thức về phòng, chống tham nhũng, qua đó nâng cao nhận thức cho học sinh về mục đích, yêu cầu của cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, xây dựng được thái độ, ý thức đấu tranh, bài trừ tệ nạn tham nhũng trong xã hội. Với mục tiêu đó, nội dung giáo dục phòng, chống tham nhũng được đưa vào dạy học trong các trường trung học phổ thông tập trung vào các vấn đề sau: Khái niệm tham nhũng; những biểu hiện của tham nhũng; nguyên nhân, tác hại của tham nhũng đối với nhà nước và xã hội; thái độ ứng xử của học sinh đối với hành vi tham nhũng. Với thời lượng có hạn trong chương trình môn Giáo dục Công dân ở cấp THPT, chúng tôi không viết thành những chuyên đề riêng mà nội dung phòng, chống tham nhũng được tích hợp vào môn học.

Tài liệu gồm các phần sau :

Phần thứ nhất: Một số vấn đề chung về phòng, chống tham nhũng.

Phần thứ hai: Nội dung tích hợp giáo dục phòng, chống tham nhũng trong môn Giáo dục Công dân cấp THPT.

Phần thứ ba: Phương pháp dạy học những nội dung giáo dục phòng, chống tham nhũng trong môn Giáo dục Công dân cấp THPT.

Phần thứ tư: Gợi ý kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh về nội dung Giáo dục phòng, chống tham nhũng trong môn Giáo dục Công dân.

Mặc dù các tác giả đã có nhiều cố gắng, nhưng tài liệu vẫn không tránh khỏi những thiếu sót nhất định, rất mong sự thông cảm và đóng góp của các thầy cô.

CÁC TÁC GIẢ

CHỈ THỊ

VỀ VIỆC ĐƯA NỘI DUNG PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG VÀO GIẢNG DẠY TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO TỪ NĂM HỌC 2013-2014

Sau 3 năm triển khai thí điểm thực hiện Quyết định 137/2009/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào chương trình giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng (gọi tắt là Đề án 137) đến nay đã có đủ điều kiện để đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy từ năm học 2013-2014 tại các cơ sở giáo dục, đào tạo (từ cấp trung học phổ thông trở lên). Để thực hiện tốt việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu:

1. Thanh tra Chính phủ:

a) Rà soát, hoàn thiện, phê duyệt, phát hành các tài liệu bồi dưỡng, tập huấn về phòng, chống tham nhũng dành cho giảng viên, giáo viên các trường đại học, cao đẳng, trung cấp; giáo viên các trường trung học phổ thông; giảng viên, giáo viên các trường hành chính, quản lý nghiệp vụ thuộc cơ quan, tổ chức của Đảng, nhà nước, lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị - xã hội; hoàn thiện chuyên mục phòng, chống tham nhũng trên Trang thông tin điện tử của Thanh tra Chính phủ, đăng tải, cung cấp thông tin kịp thời các tài liệu đã được các Bộ, ngành biên soạn, phê duyệt, tư liệu về các vụ án tham nhũng trong và ngoài nước, kinh nghiệm của nước ngoài về phòng, chống tham nhũng phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy, học tập của giáo viên, giảng viên và học sinh, sinh viên.

b) Hỗ trợ tổ chức tập huấn, cung cấp tài liệu, báo cáo viên giúp các Bộ, ngành trong công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, giảng viên giảng dạy nội dung phòng, chống tham nhũng.

c) Chỉ đạo việc thanh tra, kiểm tra công tác tổ chức thực hiện và giảng dạy nội dung phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

d) Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, các Bộ, ngành liên quan rà soát, điều chỉnh nội dung tài liệu giảng dạy phòng, chống tham nhũng trong các cơ sở giáo dục, đào tạo phù hợp, hiệu quả.

Phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao trong việc rà soát, điều chỉnh, phê duyệt chương trình, nội dung giảng dạy phòng, chống tham nhũng trong các cơ sở giáo dục, đào tạo thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo:

a) Rà soát, hoàn thiện và tổ chức phê duyệt chương trình, tài liệu giảng dạy dùng cho các cơ sở giáo dục, đào tạo thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ; hướng dẫn lồng ghép, tích hợp nội dung phòng, chống tham nhũng vào chương trình giảng dạy trong kế hoạch đổi mới chương trình, tài liệu, sách giáo khoa phù hợp với từng cấp học.

b) Hằng năm xây dựng kế hoạch tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho giáo viên, giảng viên giảng dạy về phòng, chống tham nhũng trong các cơ sở giáo dục, đào tạo, trừ các cơ sở giáo dục, đào tạo thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra, đánh giá việc tổ chức thực hiện giảng dạy nội dung phòng, chống tham nhũng trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

d) Phối hợp với Thanh tra Chính phủ tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm việc giảng dạy nội dung phòng, chống tham nhũng.

3. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh:

a) Rà soát, điều chỉnh và tổ chức phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chương trình, tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng trong các cơ sở giáo dục, đào tạo thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ và hệ đào tạo, bồi dưỡng thuộc trách nhiệm quản lý của Học viện.

b) Hằng năm xây dựng kế hoạch tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho giáo viên, giảng viên giảng dạy về phòng, chống tham nhũng trong các cơ sở giáo dục, đào tạo thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ, Học viện.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra, đánh giá việc tổ chức thực hiện giảng dạy nội dung phòng, chống tham nhũng thuộc thẩm quyền của Bộ, Học viện.

d) Phối hợp với Thanh tra Chính phủ tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm việc giảng dạy nội dung phòng, chống tham nhũng.

4. Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Bộ Tài chính đảm bảo kinh phí và hướng dẫn các Bộ, ngành, các cơ quan,

tổ chức, đơn vị, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ sở giáo dục, đào tạo xây dựng dự toán kinh phí thực hiện, đảm bảo cho việc tổ chức và giảng dạy nội dung phòng, chống tham nhũng đạt hiệu quả, tiết kiệm.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính đảm bảo nguồn vốn và nguồn tài trợ quốc tế khác để các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ sở giáo dục, đào tạo thực hiện tốt nhiệm vụ đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào chương trình giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng.

c) Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm phối hợp với các Bộ, cơ quan có liên quan thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ “Đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014” trong dự toán ngân sách hằng năm, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

5. Bộ Thông tin và Truyền thông:

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra các cơ quan thông tấn, báo chí tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng nói chung và việc tổ chức triển khai thực hiện đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào các cơ sở giáo dục, đào tạo nói riêng.

6. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra việc tổ chức thực hiện và giảng dạy nội dung phòng, chống tham nhũng trong các cơ sở giáo dục, đào tạo thuộc quyền quản lý.

b) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ căn cứ nhiệm vụ được giao chủ động xây dựng dự toán kinh phí thực hiện, tổng hợp chung trong dự toán ngân sách hằng năm, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

c) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ “Đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014” để các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan thuộc phạm vi quản lý tổ chức thực hiện.

7. Các cơ sở giáo dục, đào tạo:

a) Trên cơ sở chương trình, tài liệu giảng dạy, tài liệu tập huấn, tài liệu tham khảo đã được phê duyệt và hướng dẫn của các bộ, ngành liên quan, tổ chức xây dựng kế hoạch giảng dạy, biên soạn giáo án, tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá và tổ chức hoạt động ngoại khóa phù hợp với đặc điểm của cơ sở giáo

dục, đào tạo.

b) Căn cứ nhiệm vụ được giao chủ động xây dựng dự toán kinh phí thực hiện, tổng hợp chung trong dự toán ngân sách hằng năm, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

8. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Chỉ thị này.

9. Thanh tra Chính phủ chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện chỉ thị này, sơ kết rút kinh nghiệm việc giảng dạy nội dung phòng, chống tham nhũng theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ những vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, V.I (3b).

KT. THỦ TƯỚNG

PHÓ THỦ TƯỚNG

(Đã ký)

Nguyễn Thiện Nhân

Phần thứ nhất

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

I- ĐỊNH NGHĨA, ĐẶC TRƯNG VÀ BIỂU HIỆN CỦA THAM NHŨNG

1. Định nghĩa

Trên thế giới có nhiều định nghĩa khác nhau về tham nhũng. Theo nghĩa rộng, tham nhũng được hiểu là hành vi của bất kỳ người nào có chức vụ, quyền hạn hoặc được giao nhiệm vụ, quyền hạn và lợi dụng chức vụ, quyền hạn, hoặc nhiệm vụ được giao để vụ lợi. Theo nghĩa hẹp, tham nhũng là sự lợi dụng quyền lực nhà nước để trục lợi riêng.

Ở Việt Nam, khái niệm tham nhũng được quy định tại *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005*¹. Theo đó, “*tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi*”².

2. Đặc trưng của tham nhũng

Theo các quy định của pháp luật hiện hành, tham nhũng có những đặc trưng cơ bản như sau:

- *Chủ thể tham nhũng là người có chức vụ, quyền hạn.*

Người có chức vụ, quyền hạn bao gồm: cán bộ, công chức, viên chức; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn - kỹ thuật trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân; cán bộ lãnh đạo, quản lý trong doanh nghiệp của Nhà nước; cán bộ lãnh đạo, quản lý là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp; người được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ có quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó.

- *Chủ thể tham nhũng lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao.*

Đây là đặc trưng thứ hai của tham nhũng. Chủ thể tham nhũng phải sử dụng "chức vụ, quyền hạn của mình như một phương tiện để thực hiện hành vi sai trái

¹ Luật Phòng, chống tham nhũng được ban hành năm 2005, được sửa đổi hai lần vào các năm 2007 và 2012, sau đây gọi chung là Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005

² Xem: khoản 2 Điều 1, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005; sửa đổi, bổ sung năm 2007*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.8

nhằm mang lại lợi ích cho mình, cho gia đình mình hoặc cho người khác. Một người có chức vụ, quyền hạn thực hiện hành vi vi phạm pháp luật vì động cơ vụ lợi nhưng hành vi đó không lợi dụng chức vụ, quyền hạn thì không coi là tham nhũng (ví dụ như hành vi trộm cắp).

- Mục đích của hành vi tham nhũng là vụ lợi.

Mục đích của hành vi tham nhũng phải là mục đích vụ lợi. Vụ lợi là lợi ích vật chất (tiền, nhà, đất, các vật có giá trị...) hoặc lợi ích tinh thần mà người có chức vụ, quyền hạn mong muốn đạt được từ việc thực hiện hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình. Lợi ích đó có thể cho mình, cho gia đình mình hoặc người thân của mình

3. Biểu hiện của hành vi tham nhũng

Bộ luật hình sự, Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2012) đã phân loại tham nhũng theo hành vi. Theo đó, những hành vi sau đây thuộc nhóm hành vi tham nhũng:

1. Tham ô tài sản.
2. Nhận hối lộ.
3. Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản.
4. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi.
5. Lạm quyền trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi.
6. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng với người khác để trục lợi.
7. Giả mạo trong công tác vì vụ lợi.
8. Đưa hối lộ, môi giới hối lộ được thực hiện bởi người có chức vụ, quyền hạn để giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương vì vụ lợi.
9. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản của Nhà nước vì vụ lợi.
10. Những nhiễu vì vụ lợi.
11. Không thực hiện nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi.
12. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che cho người có hành vi vi phạm

pháp luật vì vụ lợi; cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án vì vụ lợi³.

Trong 12 hành vi tham nhũng nêu trên, có 7 hành vi đã được quy định trong Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2010), bao gồm:

- Tham ô tài sản

Tham ô tài sản là lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý.

- Nhận hối lộ.

Nhận hối lộ là hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn, trực tiếp hoặc qua trung gian đã nhận hoặc sẽ nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác dưới bất kỳ hình thức nào để làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ.

- Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản.

- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi.

Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi là cá nhân vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ gây thiệt hại cho lợi ích Nhà nước, của xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân.

- Lạm quyền trong khi thi hành công vụ.

Lạm quyền trong khi thi hành công vụ là cá nhân vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà vượt quá quyền hạn của mình làm trái công vụ gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, của xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân.

- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng với người khác để trục lợi.

Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng của người khác để trục lợi là cá nhân lợi dụng chức vụ, quyền hạn, trực tiếp hoặc qua trung gian đã nhận hoặc sẽ nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác dưới bất kỳ hình thức nào, gây hậu quả nghiêm trọng, đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm, để dùng ảnh hưởng của mình thúc đẩy người có chức vụ, quyền hạn làm hoặc

³. Xem: Điều 3, Luật phòng, chống tham nhũng.

không làm một việc thuộc trách nhiệm hoặc liên quan trực tiếp đến công việc của họ hoặc làm một việc không được phép làm.

- Giả mạo trong công tác.

Hành vi thứ 8 đến hành vi thứ 12 mới được bổ sung do đây là những hành vi đã phát sinh và đang trở nên phổ biến trên thực tế, cần được quy định cụ thể làm cơ sở pháp lý cho việc xử lý. Tuy nhiên, không phải mọi hành vi tham nhũng đều bị xử lý về hình sự mà chỉ những hành vi hội đủ các dấu hiệu cấu thành tội phạm quy định trong Bộ luật Hình sự thì mới được xác định là tội phạm và bị xử lý bằng biện pháp hình sự (các hành vi được quy định từ khoản 1 đến khoản 7 Điều 3 của Luật) còn những hành vi khác (từ khoản 8 đến khoản 12 Điều 3 của Luật) được xác định là hành vi tham nhũng nhưng chưa cấu thành tội phạm thì được xử lý bằng biện pháp kỷ luật.

- Về hành vi *"Đưa hối lộ, môi giới hối lộ được thực hiện bởi người có chức vụ, quyền hạn để giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương vì vụ lợi"*. Đây là một biểu hiện mới của tệ nạn tham nhũng. Khác với trước kia, tham nhũng thường là những hiện tượng nhỏ lẻ, được thực hiện bởi một hoặc một vài cá nhân, thì hiện nay tham nhũng đã trở nên tinh vi, phức tạp hơn và nhiều khi mang tính tập thể, có tổ chức. Lợi ích mà hành vi tham nhũng nhằm đạt tới nhiều khi không trực tiếp mà "vòng vèo". Do vẫn còn tồn tại cơ chế "xin - cho" trong nhiều lĩnh vực nên có nhiều cá nhân đại diện cho cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương đã tìm cách hối lộ cho người có chức vụ, quyền hạn phụ trách việc phê duyệt chương trình, dự án, cấp kinh phí, ngân sách để được lợi cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương mình và thông qua đó để đạt được các lợi ích cá nhân. Hành vi này được coi là hành vi tham nhũng. Điều cần lưu ý là hành vi đưa hối lộ, môi giới hối lộ là tội danh được quy định trong Bộ luật Hình sự không thuộc nhóm các tội phạm về tham nhũng mà thuộc nhóm các tội phạm về chức vụ. Nhưng hành vi đưa hối lộ, làm môi giới hối lộ được thực hiện bởi chủ thể có chức vụ, quyền hạn để giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương vì vụ lợi thì mới được coi là hành vi tham nhũng. Hành vi này vừa chịu sự điều chỉnh của pháp luật hình sự với tội danh tương ứng

(nếu hành vi đó cấu thành tội phạm) vừa là hành vi tham nhũng theo sự điều chỉnh của pháp luật về tham nhũng.

- Về hành vi *"lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản nhà nước vì vụ lợi"*. Đây là hành vi lợi dụng việc được giao quyền quản lý tài sản của nhà nước để phục vụ lợi ích cá nhân hoặc một nhóm người nào đó thay vì phục vụ cho lợi ích công. Biểu hiện cụ thể của hành vi này thường là cho thuê tài sản như: nhà xưởng, trụ sở, xe ô tô và các tài sản khác để lấy tiền chia nhau, nhiều khi là một số lượng rất lớn và tình trạng này có ở hầu hết các cấp, từ trung ương đến địa phương và cần phải ngăn chặn kịp thời.

- Về hành vi *"những nhiều vì vụ lợi"*. Một số cán bộ, công chức không thực hiện trách nhiệm với thái độ công tâm và tinh thần phục vụ mà ngược lại thường tìm cách lợi dụng những sơ hở hoặc không rõ ràng của các thủ tục, thậm chí tự ý đặt ra các điều kiện gây thêm khó khăn cho công dân và doanh nghiệp để buộc công dân và doanh nghiệp quỳ cáp, biếu xén cho mình. Thực chất của hành vi này là sự ép buộc đưa hối lộ được che đậy dưới hình thức tinh vi rất khó có căn cứ để xử lý. Cũng có thể coi hành vi những nhiều là hành vi "đòi hối lộ" một cách gián tiếp hoặc ở mức độ chưa thật nghiêm trọng và có thể dùng biện pháp xử lý hành chính.

- Về hành vi *"lợi dụng chức vụ, quyền hạn vì vụ lợi để bao che cho người có hành vi tham nhũng; cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử người có hành vi tham nhũng; không thực hiện nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi"*. Hành vi tham nhũng luôn được che chắn thậm chí là đồng lõa của những người có chức vụ, quyền hạn ở cấp cao hơn. Vì vậy, việc phát hiện và xử lý tham nhũng là hết sức khó khăn. Việc bao che cho người có hành vi tham nhũng, việc cản trở quá trình phát hiện tham nhũng nhiều khi được che đậy dưới rất nhiều hình thức khác nhau: thư tay, điện thoại, nhắc nhở, tránh không thực hiện trách nhiệm của mình hoặc có thái độ, việc làm bất hợp tác với cơ quan có thẩm quyền...

- Hành vi *"không thực hiện nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi"* là hành vi thường được gọi là "bảo kê" của những người có trách nhiệm quản lý, đặc biệt là một số

người làm việc tại chính quyền địa phương cơ sở, đã "lò" đi hoặc thậm chí tiếp tay cho các hành vi vi phạm để từ đó nhận "lương" của những kẻ phạm pháp. Đây là hiện tượng hết sức nguy hại, xuất hiện ngày càng nhiều và cần phải đấu tranh mạnh mẽ.

II- NGUYÊN NHÂN CỦA THAM NHŨNG

Các nghiên cứu về tham nhũng ở các nước trên thế giới và Việt Nam cho thấy tham nhũng là hiện tượng xã hội gắn với sự xuất hiện chế độ tư hữu, sự hình thành giai cấp và sự ra đời, phát triển của bộ máy nhà nước, quyền lực nhà nước và các quyền lực công cộng khác. Tham nhũng tồn tại ở mọi chế độ với những mức độ khác nhau. Khi nhà nước và quyền lực chính trị còn tồn tại thì còn có điều kiện để xảy ra tham nhũng.

Cùng với sự phát triển của các hình thái nhà nước, đặc biệt là trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, các quan hệ chính trị - kinh tế tạo ra những tiền đề khách quan quan trọng làm cho tham nhũng phát triển. Đối với mỗi cá nhân, nhu cầu về lợi ích là yếu tố chủ quan dẫn đến tham nhũng. Khi yếu tố vụ lợi ích kết hợp với lạm dụng quyền lực - của những người có chức vụ, quyền hạn thì khả năng xảy ra tham nhũng là rất cao.

1. Nguyên nhân khách quan

- Quá trình chuyển đổi cơ chế, tồn tại và đan xen giữa cái mới và cái cũ, các chuẩn mực giá trị không rõ ràng tạo điều kiện cho không ít đối tượng lợi dụng danh nghĩa đổi mới, năng động, sáng tạo để chiếm đoạt tài sản nhà nước, lợi dụng chủ trương xã hội hóa một số lĩnh vực để "thương mại hóa", thu lợi ích tối đa cho cá nhân hoặc một nhóm người, thậm chí một cơ quan, đơn vị hay một địa phương.

- Ảnh hưởng của mặt trái cơ chế thị trường, sự cạnh tranh và việc đề cao quá mức giá trị đồng tiền làm cho người sản xuất kinh doanh có xu hướng tối đa hóa lợi nhuận bằng mọi giá, tìm cách hối lộ công chức nhà nước để tạo lợi thế trong kinh doanh. Trong kinh tế thị trường, sự phân hóa giàu nghèo ngày càng rõ rệt, các giá trị xã hội bị đảo lộn, mọi người đều bị sức ép của việc kiếm thật nhiều tiền, xuất hiện tâm lí mọi việc đều có thể mua bán.

- Do ảnh hưởng của tập quán văn hóa, một số nét văn hóa như "miếng trầu là đầu câu chuyện", đạo lý "ăn quả nhớ người trồng cây"... đã và đang bị lợi dụng để thực hiện hành vi tham nhũng.

2. Nguyên nhân chủ quan

- Hệ thống chính trị chậm được đổi mới, hoạt động của bộ máy nhà nước kém hiệu quả. Đây là một trong những nguyên nhân gây nên sự yếu kém và bất cập của quá trình đổi mới đất nước, tạo điều kiện phát sinh tham nhũng.

- Phẩm chất đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên bị suy thoái, công tác quản lý, giáo dục cán bộ, đảng viên yếu kém. Điều này đã được đánh giá trong nhiều văn kiện của Đảng.

- Cơ chế chính sách pháp luật chưa đầy đủ, thiếu đồng bộ, thiếu nhất quán, việc phân cấp quản lý giữa Trung ương và địa phương, phân biệt quản lý nhà nước và quản lý sản xuất kinh doanh có phần chưa rõ. Quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước diễn ra chậm chạp và thiếu sự kiểm soát chặt chẽ. Cơ chế quản lý tài sản công, quản lý vốn và tài sản trong doanh nghiệp nhà nước còn lỏng lẻo.

- Cải cách hành chính vẫn còn chậm và lúng túng, cơ chế "xin - cho" trong hoạt động công vụ vẫn còn phổ biến; thủ tục hành chính phiền hà, nặng nề, bất hợp lý. Cơ chế "xin - cho" là một trong những nguy cơ của tệ tham nhũng, hối lộ chưa có cách khắc phục. Bên cạnh đó, chế độ công vụ của cán bộ, công chức mới bắt đầu được quan tâm xây dựng, hiện tại còn thiếu cơ chế kiểm tra, giám sát có hiệu quả.

- Sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng ở một số nơi chưa chặt chẽ, sâu sát, thường xuyên, việc xử lý tham nhũng chưa nghiêm.

- Chức năng, nhiệm vụ của nhiều cơ quan nhà nước trong đấu tranh chống tham nhũng chưa rõ ràng, thậm chí chồng chéo, thiếu một cơ chế phối hợp cụ thể, hữu hiệu.

- Thiếu các công cụ phát hiện và xử lý tham nhũng hữu hiệu. Những năm qua hoạt động điều tra, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát đã thu được một

số kết quả tích cực, nhưng trên thực tế vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

- Việc huy động lực lượng đông đảo của nhân dân cũng như sự tham gia của lực lượng báo chí vào cuộc đấu tranh chống tham nhũng chưa được quan tâm đúng mức. Báo chí vừa có tác dụng cảnh báo những nơi có nguy cơ tham nhũng, vừa tham gia phát hiện và đặc biệt là tạo nên dư luận mạnh mẽ đòi xử lý tham nhũng. Vì những lý do khác nhau mà một số cơ quan còn e ngại trước sự tham gia của báo chí, hoặc là vì bản thân sự thông tin đôi khi không chính xác hoặc không đúng thời điểm đã gây khó khăn cho việc phát hiện và xử lý triệt để các vụ việc tham nhũng. Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của xã hội về tham nhũng và đấu tranh chống tham nhũng mặc dù đã nhận được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước nhưng chưa tạo ra một sự chuyển biến tích cực trong ý thức xã hội trong việc phản ứng với tệ nạn tham nhũng cũng như đề cao ý thức trách nhiệm của người dân trong việc tham gia vào cuộc đấu tranh chống tham nhũng.

III- TÁC HẠI CỦA THAM NHŨNG

Tham nhũng có thể gây ra rất nhiều hậu quả nghiêm trọng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Có thể khái quát những tác hại chủ yếu của tham nhũng ở những điểm chính sau:

1. Tác hại về chính trị

Tham nhũng là trở lực đối với quá trình đổi mới đất nước và làm xói mòn lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, đối với sự nghiệp xây dựng đất nước, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Hiện nay, tình hình tham nhũng ở nước ta đã ở mức nghiêm trọng, đáng báo động. Tham nhũng không chỉ xảy ra ở cấp Trung ương, ở những chương trình, dự án lớn mà còn xuất hiện nhiều trong các cấp chính quyền cơ sở - là cơ quan tiếp xúc với nhân dân hàng ngày, giải quyết những công việc liên quan trực tiếp đến lợi ích của nhân dân. Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa IX chỉ rõ: "... Điều làm cho nhân dân còn nhiều bất bình, lo lắng, bức xúc hiện nay là tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, suy thoái về

tư tưởng, chính trị và phẩm chất đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên vẫn còn rất nghiêm trọng..."⁴. Tác hại nguy hiểm của tệ tham nhũng, lãng phí ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả trong việc thực hiện chủ trương, chính sách về kinh tế, xã hội hoặc một nhiệm vụ quản lý nhất định của Nhà nước. Tổng quát hơn, sự nghiệp cách mạng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân. Nhân dân chính là động lực, chủ thể, mục đích của cách mạng.

Tháng 4 năm 2011, Đại hội Đảng IX lại tiếp tục khẳng định: "Điều cần nhấn mạnh là: tình trạng tham nhũng và sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đang cản trở việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, gây bất bình và làm giảm lòng tin trong nhân dân"⁵. "Nạn tham nhũng diễn ra nghiêm trọng, kéo dài, gây bất bình trong nhân dân và là một nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta"⁶.

Chiến lược quốc gia phòng chống tham nhũng đến năm 2020 tiếp tục khẳng định "tình hình tham nhũng vẫn diễn biến phức tạp trên nhiều lĩnh vực, nhất là trong quản lý, sử dụng đất đai, đầu tư xây dựng, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước, gây hậu quả xấu về nhiều mặt, làm giảm sút lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý nhà nước, tiềm ẩn các xung đột lợi ích, phản kháng về xã hội, làm tăng thêm khoảng cách giàu nghèo. Tham nhũng trở thành vật cản lớn cho thành công của công cuộc đổi mới, cho sức chiến đấu của Đảng, đe dọa sự tồn vong của chế độ".

2. Tác hại về kinh tế

Tham nhũng gây thiệt hại rất lớn về tài sản của Nhà nước, của tập thể và của công dân.

Ở nước ta, trong thời gian qua, nạn tham nhũng diễn ra trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, gây thiệt hại lớn đến tài sản của Nhà nước, tiền, thời

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, NXB Chính trị Quốc gia, 2004, tr.188*

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, NXB Chính trị Quốc gia, 2001, tr.50,67*

⁶ Ban Nội chính Trung ương: *Một số văn bản của Đảng về phòng chống tham nhũng, NXB Chính trị quốc gia, 2005.tr.204 -205.*

gian, công sức của nhân dân. Giá trị tài sản bị thiệt hại, bị thất thoát liên quan tới tham nhũng của mỗi vụ lên tới hàng chục, hàng trăm, thậm chí là hàng ngàn tỷ đồng. Đó là những con số lớn và đáng lo ngại so với số thu ngân sách hàng năm của nước ta. Hậu quả của hành vi tham nhũng không chỉ là việc tài sản, lợi ích của Nhà nước, của tập thể hoặc của cá nhân bị biến thành tài sản riêng của người thực hiện hành vi tham nhũng, mà nguy hiểm hơn, hành vi tham nhũng còn gây thiệt hại, gây thất thoát, lãng phí một lượng lớn tài sản của Nhà nước, của tập thể, của công dân. Ở mức độ thấp hơn, việc một số cán bộ, công chức quan liêu, sách nhiễu đối với nhân dân trong khi thực thi công vụ, lạm dụng quyền hạn trong khi thi hành công vụ khiến cho nhân dân phải mất rất nhiều thời gian, công sức, tiền bạc để có thể thực hiện được công việc của mình như xin cấp các loại giấy phép, giấy chứng nhận, hoặc các loại giấy tờ khác. Nếu xét từng trường hợp một thì giá trị vật chất bị lãng phí có thể không quá lớn, nhưng nếu tổng hợp những vụ việc diễn ra thường xuyên, liên tục trong cuộc sống hàng ngày thì con số bị thất thoát đã ở mức độ nghiêm trọng.

3. Tác hại về xã hội

Tham nhũng xâm phạm, thậm chí làm thay đổi, đảo lộn những chuẩn mực đạo đức xã hội, tha hóa đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước.

Trước những lợi ích bất chính đã hoặc sẽ có được khi thực hiện hành vi tham nhũng, nhiều cán bộ, công chức đã không giữ được phẩm chất đạo đức của người cán bộ cách mạng. Họ đã không còn làm việc vì mục đích phục vụ sự nghiệp cách mạng, phục vụ nhân dân mà hướng tới việc thu được các lợi ích bất chính, bất chấp việc vi phạm pháp luật, làm trái công vụ, trái lương tâm, đạo đức nghề nghiệp. Vì vậy, tham nhũng không chỉ phát sinh ở trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, đầu tư, xây dựng cơ bản, quản lý đất đai... mà còn có xu hướng lan sang các lĩnh vực từ trước tới nay ít có khả năng xảy ra tham nhũng như văn hóa, y tế, giáo dục, thể dục thể thao. Thậm chí, cả những lĩnh vực lẽ ra không thể có tham nhũng, cả dưới góc độ đạo đức và pháp luật, như lĩnh vực phúc lợi xã hội hay bảo vệ pháp luật. Hành vi tham nhũng xảy ra không ít trong các chương trình trợ cấp cho thương binh, liệt sỹ, các gia đình chính sách;

tham nhũng cả tiền, hàng hóa cứu trợ cho đồng bào gặp thiên tai, tham nhũng trong cả xét duyệt công dân di tích lịch sử, văn hóa, thi đua khen thưởng. Tham nhũng xảy ra ở ngay các cơ quan bảo vệ pháp luật, những cơ quan tượng trưng cho công lý và công bằng xã hội.

IV- CÁC GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG

Phòng ngừa tham nhũng là một trụ cột của Luật phòng, chống tham nhũng. Pháp luật Việt Nam hiện hành quy định khá đầy đủ các biện pháp phòng ngừa đang được nhiều nước trên thế giới áp dụng hiện nay. Trong Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005, số lượng điều khoản và nội dung về phòng ngừa tham nhũng chiếm tỉ lệ rất lớn, phần lớn những điểm mới trong quy định của pháp luật về chống tham nhũng nằm trong các biện pháp phòng ngừa tham nhũng. Các quy định về biện pháp phòng ngừa, ngừa tham nhũng được quy định tại chương này gồm có 6 mục với tổng số 48 điều quy định những nội dung cụ thể như sau:

Đây là biện pháp quan trọng đầu tiên để ngăn ngừa tham nhũng. Công khai, minh bạch sẽ tạo điều kiện để người dân cũng như toàn xã hội tham gia giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước. Với việc công khai minh bạch trong hoạt động tại các cơ quan nhà nước, người dân sẽ dễ dàng nhận biết được các quyền và nghĩa vụ của mình để chủ động thực hiện theo các quy định của pháp luật cũng như đòi hỏi cơ quan nhà nước và các cán bộ, công chức nhà nước thực hiện các quy định đó. Công khai, minh bạch sẽ làm cho công chức nhà nước có ý thức hơn trong việc thực hiện chức trách, công vụ của mình theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền mà pháp luật quy định bởi, mọi hành vi vi phạm, phiến hà, sách nhiễu hay lợi dụng chức trách để tư lợi đều có thể bị phát hiện và xử lí.

Luật Phòng, chống tham nhũng đưa ra các nguyên tắc cũng như thể chế hóa để đảm bảo cho việc thực hiện các nguyên tắc đó. Bên cạnh đó Luật phòng, chống tham nhũng quy định công khai, minh bạch trong một số lĩnh vực hoạt động cụ thể, những lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng.

- Về nguyên tắc công khai:

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 quy định chính sách, pháp luật và việc tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật phải được tiến hành công khai,

minh bạch, bảo đảm công bằng, dân chủ. Cơ quan, tổ chức, đơn vị phải công khai hoạt động của mình, trừ nội dung thuộc bí mật nhà nước và những nội dung khác theo quy định của Chính phủ.

Đây là một bước tiến rất lớn trong quá trình công khai hóa hoạt động của bộ máy nhà nước.

- Về hình thức công khai:

Để công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị, Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005 đã quy định 7 hình thức công khai, bao gồm:

- Công bố tại cuộc họp của cơ quan, tổ chức, đơn vị;
- Niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị;
- Thông báo bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan;
- Phát hành ấn phẩm;
- Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng;
- Đưa lên trang thông tin điện tử;
- Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Dựa trên những hình thức này, các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải lựa chọn sử dụng một hoặc một số hình thức phù hợp. Quy định cụ thể như vậy để tránh việc cơ quan, tổ chức đơn vị thực hiện công khai một cách hình thức, tùy tiện và né tránh công khai sự thật.

Bên cạnh đó, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 quy định về quyền yêu cầu cung cấp thông tin, bao gồm hai loại: quyền yêu cầu cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan báo chí và yêu cầu cung cấp thông tin của cá nhân. Theo đó, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan báo chí trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin về hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình theo quy định của pháp luật.

2. Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn

Chế độ, định mức, tiêu chuẩn trong các lĩnh vực quản lý luôn liên quan đến việc sử dụng tài sản, vốn và ngân sách nhà nước. Việc thực hiện một cách tùy tiện và trái phép các tiêu chuẩn, chế độ, định mức đó sẽ dẫn đến việc tài sản của Nhà nước bị thất thoát, tiền bạc hoặc những lợi ích vật chất rơi vào một số ít người, thực chất đó là sự hưởng lợi bất chính của những người có chức vụ, quyền hạn hoặc những người có quan hệ thân quen với người có chức vụ quyền hạn. Đây chính là hành vi tham nhũng cần ngăn chặn.

Thông thường có hai loại tiêu chuẩn, chế độ định mức bị vi phạm liên quan đến tham nhũng:

- *Một là*, các chế độ, định mức tiêu chuẩn về lợi ích, nhất là các chế độ đối với người có chức vụ lãnh đạo, quản lý: Chẳng hạn, chế độ phục vụ, chế độ dùng xe công, tiêu chuẩn dùng điện thoại...

Vi phạm trong việc thực hiện chế độ, định mức tiêu chuẩn này thường có hai dạng như sau:

+ Được hưởng hay sử dụng kinh phí hoặc loại tài sản vượt mức mà Nhà nước quy định;

+ Người không thuộc diện được hưởng nhưng đã được hưởng, tức là tự ý mở rộng đối tượng được hưởng một tiêu chuẩn thuộc về lợi ích vật chất nào đó, ví dụ: Nhà nước quy định chỉ có cán bộ cấp Vụ mới được trang bị điện thoại di động nhưng cơ quan nào đó đã mở rộng đối tượng đến cả các cấp thấp hơn như Trưởng phòng, Đội trưởng...

- *Hai là*, các chế độ, định mức, tiêu chuẩn có tính chất chuyên môn kỹ thuật: Đó là những quy định để bảo đảm chất lượng các công trình hoặc công việc nào đó, với những yêu cầu chính xác cao về kỹ thuật, về quy trình thực hiện, về thời gian, về nguyên vật liệu. Tự ý thay đổi, hạ thấp tiêu chuẩn này sẽ dẫn đến việc một số người được hưởng lợi, thực chất là tham nhũng, biểu hiện điển hình của loại vi phạm này chính là hiện tượng "rút ruột" công trình xây dựng, hạ thấp chi phí thực tế thông qua việc hạ thấp tiêu chuẩn kỹ thuật để chia

nhau hưởng lợi. Đây là hành vi hết sức nguy hiểm bởi vì không những Nhà nước bị thiệt hại về tài sản mà hậu quả có thể hết sức nghiêm trọng, việc khắc phục là rất khó khăn, tốn kém.

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 đã đưa ra các quy định nhằm bảo đảm cho việc ban hành, chấp hành quy định từ việc xây dựng, thực hiện cũng như chế độ, trách nhiệm trong ừường hợp để xảy ra vi phạm.

3. Quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức

Các nước trên thế giới mặc dù có chế độ chính trị khác nhau nhưng về cơ bản, việc thực hiện quyền lực công đều phải thông qua hoạt động công vụ của đội ngũ công chức. Vì vậy, để chống tham nhũng, không có cách gì tốt hơn là tăng cường kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước, cụ thể là tác động vào đội ngũ cán bộ, công chức và quá trình thực hiện công vụ. Ngoài ra, trong chừng mực nào đó, cần kiểm soát cả những quan hệ xã hội của họ, những quan hệ có nguy cơ bị lợi dụng và nảy sinh tham nhũng. Trên một quan niệm chung như vậy, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 đã đưa ra nhiều giải pháp liên quan đến cán bộ, công chức như sau:

a) Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức

Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức đã được nhiều nước quy định, nhưng vẫn là một khái niệm khá mới ở nước ta. Quy tắc ứng xử vừa biểu hiện mối quan hệ giữa công chức với nhà nước, vừa thể hiện mối quan hệ giữa cán bộ, công chức với xã hội.

Quy tắc ứng xử là các chuẩn mực xử sự của cán bộ, công chức, viên chức trong thi hành nhiệm vụ, công vụ và trong quan hệ xã hội, bao gồm những việc phải làm hoặc không được làm, phù hợp với đặc thù công việc của từng nhóm cán bộ, công chức, viên chức và từng lĩnh vực hoạt động công vụ, nhằm bảo đảm sự liêm chính và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức.

Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức được công khai để nhân dân giám sát việc chấp hành.

- Quy định về tặng quà và nhận quà tặng của cán bộ, công chức, viên chức:

Việc tặng quà và nhận quà tặng vốn là một phong tục, tập quán bình thường của người Á Đông nói chung và của người Việt Nam nói riêng, thể hiện tình cảm hay sự biết ơn trong các quan hệ xã hội. Tuy nhiên, phong tục này hiện nay đang có xu hướng bị lợi dụng để thực hiện hành vi đưa và nhận hối lộ.

Một số hành vi bị nghiêm cấm trong việc nhận quà bao gồm:

- Cơ quan, đơn vị và cá nhân tặng quà có liên quan đến hoạt động công vụ do mình hoặc người mà mình nhận thay chịu trách nhiệm giải quyết (trước, trong và sau khi thực hiện công vụ) hoặc thuộc phạm vi quản lí.

- Quà tặng của các cơ quan, đơn vị và cá nhân mà việc tặng quà đó không rõ mục đích.

Đối với quà tặng không đúng chế độ, tiêu chuẩn, đối tượng thì đại diện cơ quan, đơn vị phải từ chối và giải thích rõ lí do với người tặng quà. Trong trường hợp không thể từ chối được, cơ quan, đơn vị phải tổ chức quản lí, xử lí quà tặng theo quy định.

Cán bộ, công chức, viên chức chỉ được nhận quà tặng theo đúng quy định của pháp luật và phải kí xác nhận; phải kê khai thu nhập trong trường hợp pháp luật có yêu cầu.

Đối với quà tặng không đúng chế độ, tiêu chuẩn, đối tượng thì cán bộ, công chức, viên chức phải từ chối và giải thích rõ lí do với người tặng quà. Trong trường hợp không thể từ chối được, cán bộ, công chức, viên chức phải báo cáo thủ trưởng cơ quan, đơn vị mình để xử lí theo quy định.

Đối với quà tặng từ họ hàng, người thân trong gia đình mà những người đó không có mối quan hệ về lợi ích liên quan đến hoạt động công vụ của người được tặng quà và quà tặng từ những cơ quan, đơn vị, cá nhân không liên quan đến hoạt động công vụ của người được tặng quà thì cán bộ, công chức, viên chức được tặng quà không phải báo cáo với cơ quan, đơn vị; trong trường hợp pháp luật có yêu cầu kê khai thu nhập thì cán bộ, công chức, viên chức phải thực hiện kê khai theo đúng quy định.

Ngày 26 tháng 02 năm 2007, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ra Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương trong đó quy định các chuẩn mực xử sự của cán bộ, công chức, viên chức khi thi hành nhiệm vụ, công vụ và trong quan hệ xã hội, bao gồm những việc phải làm hoặc không được làm nhằm bảo đảm sự liêm chính và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức. Đồng thời Bộ nội vụ đã phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam và Hội liên hiệp Việt Nam xây dựng quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức trong các tổ chức này.

b) Quy tắc đạo đức nghề nghiệp

Để góp phần phòng ngừa tham nhũng, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 quy định việc xây dựng quy tắc đạo đức nghề nghiệp đối với một số nghề đặc thù, hoạt động có tính chất độc lập như luật sư, kiểm toán viên. Mặc dù đây không phải là những người thuộc đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong cơ quan nhà nước nhưng cũng cần có những qui định về chuẩn mực đạo đức trong quá trình hành nghề cho phù hợp nhằm hướng tới một nền văn hoá phi tham nhũng trong toàn xã hội, cả trong khu vực công và khu vực tư.

Quy tắc đạo đức nghề nghiệp là chuẩn mực xử sự phù hợp với đặc thù của từng nghề bảo đảm sự liêm chính, trung thực và trách nhiệm trong việc hành nghề. Luật Phòng, chống tham nhũng quy định tổ chức xã hội - nghề nghiệp phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quy tắc đạo đức nghề nghiệp đối với hội viên của mình theo quy định của pháp luật.

c) Vấn đề chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức

Việc chuyển đổi vị trí công tác được coi là một giải pháp quan trọng nhằm ngăn ngừa hiện tượng cấu kết, móc nối hình thành “ê kíp”, “đường dây” tiêu cực, tham nhũng. Điều 43 quy định một số nguyên tắc chung về chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức. Để đảm bảo sự ổn định của quản lí và tính chất chuyên sâu của công việc, việc chuyển đổi chỉ là chuyển đổi về vị

trí, mang tính chất địa lí, cơ học chứ không phải chuyển đổi về nội dung, tính chất công việc, đồng thời việc chuyển đổi chỉ thực hiện đối với một số vị trí quản lý tiền, tài sản của nhà nước hoặc trực tiếp tiếp xúc, giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Đây là một biện pháp mới trong công tác phòng, chống tham nhũng được nhiều nước áp dụng có hiệu quả.

Khoản 1 Điều 43 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 quy định: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, theo thẩm quyền quản lý, có trách nhiệm thực hiện việc định kì chuyển đổi cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại một số vị trí liên quan đến việc quản lý ngân sách, tài sản của Nhà nước, trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan tổ chức, đơn vị, cá nhân nhằm chủ động phòng ngừa tham nhũng.

Cần lưu ý, việc chuyển đổi vị trí công tác và luân chuyển cán bộ có sự khác biệt. Luân chuyển cán bộ là chính sách của Đảng trong công tác cán bộ nhằm đào tạo, rèn luyện đội ngũ cán bộ lãnh đạo để họ có điều kiện nâng cao trình độ hiểu biết và đủ năng lực thực tiễn đáp ứng được yêu cầu của người lãnh đạo quản lí. Chuyển đổi vị trí công tác là để tránh việc cán bộ, công chức, viên chức do làm lâu ở một vị trí sẽ tìm ra được kẽ hở hay những khiếm khuyết của cơ chế chính sách để tìm cách lợi dụng tham nhũng. Hoặc, do làm lâu ở một vị trí nên tìm cách móc nối với những người có liên quan để thực hiện những hành vi tham nhũng tinh vi, khó phát hiện và ngăn chặn. Chẳng hạn, giữa những người cùng tổ thu thuế, giữa người thu thuế và người nộp thuế thoả thuận bớt xén số thuế lẽ ra phải nộp... Ngoài ra, việc chuyển đổi vị trí công tác phải dựa trên những nguyên tắc nhất định chứ không thể chuyển đổi một cách tùy tiện. Việc chuyển đổi vị trí công việc không làm thay đổi tính chất công việc mà cán bộ, công chức, viên chức đó đang thực hiện và phải phù hợp với chuyên môn, trình độ nghiệp vụ của người được chuyển đổi. Chẳng hạn một nhân viên thu thuế nông nghiệp có thể chuyển sang thu thuế công thương nghiệp; một nhân viên có trách nhiệm theo dõi thu thuế của địa bàn A có thể chuyển sang theo dõi địa bàn B; một cảnh sát khu vực này có thể sang làm cảnh sát khu vực khác... Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 có quy định: Việc chuyển đổi về trí

công tác... chỉ áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức không giữ chức vụ quản lý. Việc luân chuyển cán bộ, công chức giữ chức vụ quản lý thực hiện theo quy định về luân chuyển cán bộ.

4. Vấn đề minh bạch tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 đã quy định một cách khá toàn diện và đầy đủ những nội dung cơ bản nhất của một hệ thống minh bạch tài sản, bao gồm những vấn đề chính như sau:

- Cán bộ, công chức phải kê khai tài sản hàng năm. Để tránh che giấu, tẩu tán tài sản tham nhũng, ngoài việc kê khai tài sản của bản thân, cán bộ, công chức còn phải kê khai tài sản của vợ hoặc chồng và con chưa thành niên. Đối tượng tài sản phải kê khai được mở rộng hơn so với Pháp lệnh chống tham nhũng;

- Việc xác minh tài sản được tiến hành trong một số trường hợp nhất định. Khi xem xét đề bạt, bổ nhiệm, bầu cử hoặc có hành vi tham nhũng thì thủ trưởng cơ quan tổ chức việc xác minh tài sản để xem cán bộ, công chức có kê khai trung thực hay không;

- Bản kết luận về sự minh bạch trong kê khai tài sản được công khai trong một số trường hợp nhất định theo yêu cầu và trên cơ sở quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

- Người có nghĩa vụ kê khai tài sản sẽ phải chịu trách nhiệm kỷ luật nếu kê khai không trung thực, nếu là người ứng cử thì sẽ bị loại khỏi danh sách bầu cử, người được dự kiến bổ nhiệm, phê chuẩn thì sẽ không được bổ nhiệm, phê chuẩn vào chức vụ dự kiến.

Với tinh thần như trên việc minh bạch tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức đã khác với trước kia chỉ qui định về *kê khai tài sản* thu nhập của cán bộ, công chức nay mục tiêu là tiến tới *minh bạch tài sản* cán bộ, công chức. Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 không đặt vấn đề công khai bản kê khai tài sản mà chỉ quy định công khai kết luận về tính minh bạch, trung thực của việc kê khai sau khi đã tiến hành xác minh theo các hình thức và ở những nơi thích hợp.

Về đối tượng có nghĩa vụ phải kê khai, theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005, không phải mọi cán bộ, công chức đều phải có nghĩa vụ kê khai tài sản, mà chỉ cán bộ có chức vụ từ Phó trưởng phòng của cấp huyện quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trở lên hoặc tương đương trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cán bộ, công chức làm tại một số vị trí nhất định (sẽ do Chính phủ quy định).

Về tài sản phải kê khai, tài sản kê khai bao gồm 04 nhóm loại: nhà, quyền sử dụng đất; kim khí quý, đá quý, tiền, giấy tờ có giá trị và các loại tài sản khác mà giá trị của mỗi loại từ năm mươi triệu đồng trở lên; tài sản, tài khoản ở nước ngoài; thu nhập phải chịu thuế theo quy định của pháp luật.

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 còn quy định việc xác minh tài sản là để đánh giá về tính trung thực của việc kê khai, góp phần đánh giá cán bộ, công chức hoặc người tham gia ứng cử vào các cơ quan quyền lực để bảo đảm bộ máy nhà nước có một đội ngũ cán bộ trung thực, liêm chính, không tham nhũng. Qua xác minh, nếu người bị kết luận là không trung thực trong kê khai tài sản, thu nhập thì tùy theo tính chất, mức độ mà bị xử lý bằng một trong các hình thức kỉ luật sau: Khiển trách; Cảnh cáo; Hạ bậc lương; Hạ ngạch. Đối với người kê khai tài sản, thu nhập không trung thực là người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, người dự kiến được bầu, phê chuẩn tại Quốc hội, Hội đồng nhân dân, đại hội của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, người dự kiến được phê chuẩn, bổ nhiệm thì bị xử lý như bị xoá tên khỏi danh sách người ứng cử, không được bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm.

V- CÁC GIẢI PHÁP PHÁT HIỆN THAM NHŨNG

Phát hiện tham nhũng là việc tìm ra vụ việc tham nhũng và có biện pháp kịp thời để hạn chế thiệt hại xảy ra, đồng thời xác định mức độ trách nhiệm của người có hành vi vi phạm, có hình thức xử lý thích đáng và nghiêm minh. Việc phát hiện tham nhũng đòi hỏi sự nỗ lực của mọi cơ quan, tổ chức đặc biệt là các cơ quan có chức năng thanh tra, điều tra, giám sát, kiểm sát cũng như sự tham gia tích cực của công dân. Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 quy định việc phát hiện tham nhũng thông qua ba hoạt động chủ yếu:

- Công tác kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước;
- Hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán;
- Tố cáo của công dân.

1. Phát hiện tham nhũng thông qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước

Kiểm tra là một hoạt động không thể thiếu trong quản lý nhà nước. Các hành vi tham nhũng có thể diễn ra trong mọi lĩnh vực quản lý. Vì vậy, công tác kiểm tra của các cơ quan quản lý có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc phát hiện các vụ việc tham nhũng. Trên thực tế, việc xác định tính chất và mức độ của vụ việc tham nhũng cũng như trách nhiệm của những người vi phạm đòi hỏi có nhiều thời gian và công sức, thường thuộc trách nhiệm của các cơ quan thanh tra, điều tra nhưng những dấu hiệu ban đầu của các vi phạm, những dấu hiệu không bình thường trong hoạt động quản lý lại thường do các cơ quan quản lý phát hiện.

Theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005, thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm thường xuyên tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của mình nhằm kịp thời phát hiện hành vi tham nhũng. Khi phát hiện có hành vi tham nhũng, thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước phải kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc thông báo cho cơ quan thanh tra, điều tra hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền. Ngoài ra, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 cũng quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc tự kiểm tra nội bộ cơ quan, tổ chức, đơn vị mình, kiểm tra việc thi hành nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức do mình quản lý để phát hiện tham nhũng. Hình thức kiểm tra phải có trọng tâm, trọng điểm cũng như trường hợp kiểm tra đột xuất phải có những điều kiện nhất định. Việc kiểm tra thường xuyên được tiến hành theo chương trình, kế hoạch, tập trung vào lĩnh vực, hoạt động thường phát sinh hành vi tham nhũng. Việc kiểm tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện có dấu hiệu tham nhũng.

2. Phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động thanh tra, kiểm toán, điều tra, kiểm sát, xét xử, giám sát

Đây là những hoạt động chủ yếu trong việc phát hiện và xử lý tham nhũng. Các cơ quan thanh tra, điều tra, kiểm toán, xét xử và giám sát có chức năng bảo vệ pháp luật và kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh những hành vi vi phạm, trong đó có tham nhũng. Đây là lực lượng chính trong cuộc đấu tranh chống vi phạm pháp luật.

Có thể thấy rằng hoạt động thanh tra, kiểm toán đã phát hiện ra rất nhiều sai phạm kinh tế có dấu hiệu tham nhũng hoặc có nguy cơ dẫn đến tham nhũng nếu không được ngăn chặn kịp thời.

Chính vì vậy, các hoạt động này được quy định rất chặt chẽ và đầy đủ trong các văn bản pháp luật cao nhất của nhà nước. Một mặt, pháp luật trao cho các cơ quan này quyền hạn lớn để có thể đấu tranh với những vi phạm pháp luật, mặt khác cũng quy định chặt chẽ để hoạt động của các cơ quan này phải tuân thủ pháp luật, bảo đảm tính chính xác, khách quan trong khi đánh giá, kết luận những vụ việc và người có hành vi vi phạm để tránh oan sai.

Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 quy định riêng một nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử trong phát hiện, xử lý tham nhũng.

3. Tố cáo và giải quyết tố cáo về hành vi tham nhũng

Tố cáo là việc công dân báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức. Tố cáo là một kênh quan trọng trong phát hiện hành vi tham nhũng. Luật Phòng, chống tham nhũng quy định những nguyên tắc chung và nội dung cơ bản của tố cáo hành vi tham nhũng. Luật quy định cơ chế bảo vệ người tố cáo, quyền và nghĩa vụ của người tố cáo và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong tiếp nhận và xử lý tố cáo hành vi tham nhũng,

khen thưởng người tố cáo...

Vấn đề tố cáo và giải quyết tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật nói chung đã được quy định trong Luật khiếu nại, tố cáo và các văn bản hướng dẫn thi hành. Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo hành vi tham nhũng với hai nhóm nội dung sau:

Thứ nhất, quyền của công dân trong việc tố cáo hành vi tham nhũng, trách nhiệm của công dân khi thực hiện quyền tố cáo. Người tố cáo phải tố cáo trung thực, nêu rõ họ, tên địa chỉ, cung cấp thông tin, tài liệu mà mình có và hợp tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo. Người tố cáo mà cố tình tố cáo sai sự thật phải bị xử lý nghiêm minh, nếu gây thiệt hại cho người bị tố cáo thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và những người có thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết tố cáo của công dân đối với hành vi tham nhũng. Luật Phòng, chống tham nhũng nhấn mạnh trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc bảo vệ người tố cáo khỏi sự đe dọa trả thù, trù dập. Đây là vấn đề rất quan trọng vì trong nhiều trường hợp, người bị tố cáo là những người có chức vụ quyền hạn, thậm chí giữ chức vụ, quyền hạn rất cao nên họ có nhiều cách để trả thù người tố cáo hoặc giữ kín sự việc mà người tố cáo phát hiện cho nhà nước. Vì vậy, Nhà nước phải có những cơ chế bảo vệ người tố cáo, tạo điều kiện để công dân tích cực phát hiện các hành vi tham nhũng, cơ quan nhà nước kịp thời xử lý.

Về hình thức tố cáo, công dân tố cáo hành vi tham nhũng bằng các hình thức sau:

- Tố cáo trực tiếp;
- Gửi đơn tố cáo;
- Tố cáo qua điện thoại;
- Tố cáo bằng thông điệp dữ liệu.

Nghị định 59/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật phòng, chống tham nhũng cũng đã quy định cụ thể, chi tiết về những vấn đề này. Nhằm tạo

thuận lợi cho việc xử lý tố cáo và đề cao trách nhiệm của người tố cáo, hạn chế việc lợi dụng quyền tố cáo để vu cáo, làm hại uy tín danh dự của người khác, Nghị định cũng quy định: “Người tố cáo phải nêu rõ họ, tên, địa chỉ, nội dung tố cáo và cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo mà mình có”.

Đề tạo cơ sở pháp lý cho việc bảo vệ người tố cáo khỏi sự trả thù, trù dập, trước hết Nghị định quy định những hành vi bị nghiêm cấm, bao gồm:

- Đe dọa, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người tố cáo, người thân của người tố cáo;

- Đe dọa, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp, các hoạt động kinh doanh, nghề nghiệp của người tố cáo, người thân của người tố cáo;

- Ngăn cản, gây khó khăn cho việc thực hiện các quyền, lợi ích hợp pháp của người tố cáo trong việc nâng ngạch, tăng bậc lương, phụ cấp, khen thưởng, bổ nhiệm và việc thực hiện các quyền, lợi ích hợp pháp khác của người tố cáo, người thân của người tố cáo;

- Phân biệt đối xử, lôi kéo người khác cản trở việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của người tố cáo, người thân của người tố cáo;

- Xử lý kỉ luật trái pháp luật, thay đổi công việc của người tố cáo, người thân của người tố cáo với động cơ trù dập.

Người nào thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này thì tùy theo tính chất, mức độ phải bị xử lý kỉ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Luật Phòng, chống tham nhũng quy định trách nhiệm chủ yếu trong việc xử lý các tố cáo về hành vi tham nhũng thuộc về cơ quan thanh tra, cơ quan điều tra và Viện kiểm sát như sau (Khoản 3 Điều 65 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005):

Cơ quan thanh tra có trách nhiệm giúp thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp xác minh, kết luận về nội dung tố cáo và kiến nghị biện pháp xử lý; trường hợp phát hiện có dấu hiệu tội phạm thì chuyển cho cơ quan

điều tra, Viện kiểm sát có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhận được tố cáo về hành vi tham nhũng phải xử lý theo thẩm quyền.

Luật cũng quy định cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn của mình phải tạo điều kiện, cộng tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo để phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời hành vi tham nhũng, hạn chế thiệt hại do hành vi tham nhũng gây ra.

Về khen thưởng cho người tố cáo, Điều 67, Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005 quy định: *"Người tố cáo trung thực, tích cực cộng tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi tham nhũng thì được khen thưởng về vật chất, tinh thần theo quy định của pháp luật".*

Phần thứ hai

NỘI DUNG TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG (Một số gợi ý)

Lớp	Tên bài	Địa chỉ tích hợp	Nội dung tích hợp	Ghi chú
10	Bài 10: Quan niệm về đạo đức	Tích hợp vào điểm a mục 1 “Đạo đức là gì?”	Về kiến thức: - Người có hành vi tham nhũng chà đạp lên lợi ích của Nhà nước và công dân, là người không có đạo đức. - Khái niệm tham nhũng. Về kĩ năng: Phân biệt hành vi tham nhũng với hành vi không phải là tham nhũng. Về thái độ: Xa lánh hành vi tham nhũng.	- Ví dụ: Người tham ô tài sản của Nhà nước chỉ nghĩ đến lợi ích của bản thân, xâm phạm lợi ích của Nhà nước. - Ví dụ: tham ô tài sản của Nhà nước là hành vi tham nhũng; lấy trộm tài sản không phải là hành vi tham nhũng.
10	Bài 11: Một số phạm trù cơ bản của đạo đức	Tích hợp vào điểm a mục 2 “Lương tâm là gì?”	Về kiến thức: Người tham nhũng hoặc phải sống trong trạng thái cắn rứt lương tâm, hoặc	Ví dụ: Người có hành vi tham nhũng nếu còn thấy cắn rứt lương tâm là người

	học		<p>không cần rút lương tâm, không ăn năn, hối hận; nhưng đều phải sống trong trạng thái không thanh thản.</p> <p>Về kĩ năng: Phân biệt trạng thái lương tâm của người tham nhũng với người không tham nhũng.</p> <p>Về thái độ: Không chấp nhận tham nhũng, dù ở trạng thái nào.</p>	<p>còn có lương tâm; người tham nhũng nhưng không ăn năn, hối hận thì bị coi là người vô lương tâm. Tuy nhiên, người tham nhũng luôn luôn không được sống thanh thản.</p>
11	Bài 9: Nhà nước xã hội chủ nghĩa	<p>Tích hợp vào:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm b mục 2 “Chức năng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam”; 	<p>Về kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có chức năng xây dựng pháp luật và bảo đảm thực hiện pháp luật, trong đó có pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Nhà nước ta 	

		<p>- Mục 3 “Trách nhiệm của công dân trong việc tham gia xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.</p>	<p>xác định tham nhũng là kẻ thù của nhân dân, gây tổn hại to lớn cho sự phát triển kinh tế-xã hội của đất nước, phá hoại đội ngũ cán bộ công chức và bộ máy nhà nước, đe dọa sự tồn vong của Nhà nước.</p> <p>- Công dân có trách nhiệm phê phán, đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật của Nhà nước, trong đó có hành vi tham nhũng.</p> <p>Về kỹ năng: Biết cách phê phán các hành vi tham nhũng.</p> <p>Về thái độ: Xác định rõ trách nhiệm công dân trước hành vi tham nhũng.</p>	<p>Ví dụ: Phê phán hành vi nhận tiền hối lộ của bọn buôn lậu; phê phán hành vi tham ô tiền của, công quỹ của cơ quan mà mình quản lí.</p>
--	--	---	--	---

11	Bài 10: Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa	Tích hợp vào điểm b mục 2 “Nội dung cơ bản của dân chủ trong lĩnh vực chính trị”	<p>Về kiến thức: Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị là biện pháp để phòng ngừa tham nhũng, là biểu hiện quyền dân chủ trong lĩnh vực chính trị.</p> <p>Về kỹ năng: Biết một số lĩnh vực, công việc, nội dung cần phải thực hiện công khai; những hình thức công khai của cơ quan, tổ chức, đơn vị.</p> <p>Về thái độ: Ủng hộ việc công khai hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.</p>	
12	Bài 2: Thực hiện pháp luật	Tích hợp vào mục 2 “Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp	<p>Về kiến thức: - Người có hành vi tham nhũng là người vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của</p>	

		<p>lí”</p>	<p>Nhà nước, tập thể và cá nhân.</p> <p>- Người có hành vi tham nhũng phải chịu trách nhiệm hành chính, trách nhiệm kỉ luật hoặc hình sự trách nhiệm theo quy định của pháp luật.</p> <p>Về kĩ năng:</p> <p>- Phân biệt hành vi vi phạm pháp luật do tham nhũng với các hành vi vi phạm pháp luật khác.</p> <p>- Phân biệt trách nhiệm pháp lí đối với vi phạm pháp luật do tham nhũng với các loại trách nhiệm pháp lí khác.</p>	<p>- Ví dụ: Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi là hành vi vi phạm pháp luật do tham nhũng khác hành vi vi phạm pháp luật do trốn thuế của cơ quan, cá nhân, tổ chức.</p> <p>- Ví dụ: Người vi phạm pháp luật do tham nhũng phải chịu trách nhiệm hình sự, hành chính hoặc kỉ luật, khác với người vi phạm</p>
--	--	------------	--	---

			<p>Về thái độ:</p> <p>Đồng tình với việc xử lí vi phạm đối với người có hành vi tham nhũng.</p>	<p>pháp luật do gây thiệt hại tài sản cho người khác phải chịu trách nhiệm dân sự.</p>
12	Bài 3: Công dân bình đẳng trước pháp luật	Tích hợp vào mục 2 “Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lí”	<p>Về kiến thức:</p> <p>- Người vi phạm pháp luật do tham nhũng dù ở bất kì cương vị, chức vụ nào cũng đều phải chịu trách nhiệm pháp lí.</p> <p>Về kĩ năng:</p> <p>Nhận xét được việc người có chức quyền trong cơ quan nhà nước cũng phải chịu trách nhiệm pháp lí do tham nhũng như mọi người khác là thể hiện bình đẳng về trách nhiệm pháp lí.</p> <p>Về thái độ:</p> <p>Đồng tình với việc</p>	<p>Pháp luật bình đẳng, không phân biệt đối xử trong việc truy cứu trách nhiệm pháp lí giữa các công dân.</p>

			xử lí hành vi tham nhũng của người có chức quyền trong bộ máy nhà nước.	
12	Bài 7: Công dân với các quyền dân chủ	Tích hợp vào mục 3 “Quyền khiếu nại, tố cáo của công dân”	<p>Về kiến thức: Công dân có quyền tố cáo về mọi hành vi tham nhũng xâm phạm tài sản của Nhà nước và công dân.</p> <p>Về kĩ năng: Phân biệt việc tố cáo hành vi tham nhũng với việc tố cáo các hành vi khác.</p> <p>Về thái độ: Tích cực đấu tranh, tố cáo hành vi tham nhũng.</p>	<p>-Ví dụ: Tố cáo hành vi bao che cho người có hành vi phạm pháp vì mục đích vụ lợi; tố cáo hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản của Nhà nước vì vụ lợi; tố cáo hành vi nhận hối lộ, hành vi tham ô tài sản.</p> <p>- Ví dụ: Tố cáo hành vi nhận hối lộ là tố cáo hành vi tham nhũng, tố cáo hành vi trộm cắp tài sản của công dân không phải là tố cáo hành vi tham nhũng.</p>

Phần thứ ba

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

NỘI DUNG GIÁO DỤC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

TRONG MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Phương pháp dạy học các bài có tích hợp nội dung giáo dục phòng, chống tham nhũng trong môn GD&ĐT cấp THPT chịu sự chi phối của phương pháp dạy học môn GD&ĐT theo yêu cầu đổi mới dạy học, phát huy vai trò chủ động, tích cực của học sinh thông qua việc tổ chức các hoạt động học tập. Trong dạy học, GV cần biết sử dụng một cách hợp lý các phương pháp dạy học, tạo nên sự đa dạng, phong phú về phương pháp và phong cách dạy học, khuyến khích và thu hút HS hăng say học tập trong một môi trường học tập thân thiện.

Dưới đây, xin giới thiệu một số phương pháp và kỹ thuật dạy học có nhiều ưu thế trong dạy học môn GD&ĐT nói chung và trong dạy học tích hợp nội dung giáo dục phòng, chống tham nhũng nói riêng.

I – MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÍCH CỰC

1. Phương pháp thảo luận nhóm

a) Bản chất

Thảo luận nhóm là một phương pháp dạy học, trong đó học sinh được chia thành các nhóm nhỏ và trong một thời gian nhất định các nhóm cùng nhau thảo luận để giải quyết những vấn đề mà giáo viên đặt ra.

Đặc trưng của phương pháp thảo luận nhóm là có sự tiếp xúc trực diện giữa những người tham gia và sự tự do trao đổi ý tưởng, quan điểm, kinh nghiệm của cá nhân; tạo ra sự khác biệt, sự hoà đồng hoặc sự gần nhau rất phong phú của các quan điểm, ý tưởng. Phương pháp này giúp HS tham gia một cách chủ động, tích cực vào quá trình học tập trên cơ sở có sự hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau; giúp HS hiểu vấn đề một cách sâu sắc, giáo dục tính độc lập, tư duy phê phán, biết lắng nghe ý kiến của người khác.

b) Cách thực hiện

Thảo luận nhóm được tiến hành theo các bước sau:

- Giáo viên giới thiệu chủ đề thảo luận.
- Chia lớp thành những nhóm nhỏ, giao nhiệm vụ cho các nhóm, quy định thời gian và phân công vị trí làm việc của từng nhóm.
- Các nhóm thảo luận giải quyết các nhiệm vụ được giao, ghi kết quả thảo luận ra giấy khổ lớn.
- Từng nhóm cử đại diện trình bày kết quả thảo luận của nhóm trước lớp. Các nhóm khác lắng nghe và trao đổi ý kiến, nhận xét, bổ sung.
- GV tổng kết lại những nội dung, vấn đề mà học sinh cần nắm vững, định hướng nhận thức, hành vi của học sinh; nhận xét kết quả làm việc của các nhóm.

c) Một số điểm cần lưu ý

- Mở đầu cuộc thảo luận, để gây hứng thú và chú ý, GV có thể cung cấp những sự việc mới mẻ, những giai thoại hoặc câu chuyện hấp dẫn, những câu trích dẫn hay, phù hợp chủ đề, hoặc cho HS xem tranh ảnh, những minh họa khác có thể tận dụng được trong tiến trình thảo luận.
- Cần thường xuyên thay đổi thành phần của nhóm bằng các cách chia nhóm khác nhau, tạo điều kiện cho HS được hợp tác, giao lưu với tất cả các bạn trong lớp, không nên giữ nguyên thành phần của nhóm trong thời gian dài. Số lượng HS của nhóm không nên quá đông để tránh tình trạng một số em ỷ lại không tham gia hoạt động. Mỗi nhóm nên từ 4- 6 học sinh là phù hợp.
- Mỗi nhóm cần cử nhóm trưởng để điều khiển nhóm làm việc và thư kí để ghi chép các ý kiến. Nhiệm vụ nhóm trưởng và thư kí cần luân phiên nhau để tất cả mọi học sinh đều có khả năng thực hiện.
- Nhiệm vụ thảo luận phải phù hợp với chủ đề bài học, sát với trình độ, năng lực của HS và huy động được vốn kinh nghiệm sống của HS. Các câu hỏi phải được nêu một cách tuần tự, liên tiếp, câu trả lời cho câu hỏi trước cần được sử dụng như những bậc thang tiến tới câu hỏi và câu trả lời sau, làm cho cuộc thảo luận được liên tục. Câu hỏi phải sáng sủa, ngắn gọn, rõ ràng, kích thích suy nghĩ của HS, tạo ra nhiều ý kiến, quan điểm khác nhau.
- Nhiệm vụ của các nhóm có thể giống nhau hoặc khác nhau, tùy từng hoạt động.

- Trong khi các nhóm thảo luận, GV cần theo dõi, khuyến khích và giúp đỡ khi cần thiết (điều chỉnh để cuộc thảo luận đi đúng hướng, động viên những HS nhút nhát tham gia ý kiến, gợi ý khi cuộc thảo luận gặp khó khăn, bế tắc...).

- Cần bố trí chỗ làm việc của các nhóm sao cho thuận lợi, để các thành viên có thể hướng vào nhau, lắng nghe và cùng chia sẻ suy nghĩ/ý tưởng.

- Cách trình bày kết quả thảo luận nhóm có thể bằng nhiều hình thức: bằng lời, bằng tranh vẽ, bằng sơ đồ tư duy, đóng vai... Cần luân phiên nhau trình bày kết quả thảo luận của nhóm.

Thảo luận nhóm có nhiều ưu điểm và có thể sử dụng rộng rãi trong nhiều trường hợp. Tuy nhiên nó cũng có nhược điểm là khó thực hiện ở những lớp quá đông HS, không gian chật hẹp; quá trình thảo luận dễ gây ồn ào ảnh hưởng đến các lớp khác. Giáo viên có thể hình thành các nhóm nhỏ theo bàn (HS ở hai bàn quay mặt vào nhau). Khi HS thảo luận xong, GV cho một vài nhóm trình bày kết quả, các nhóm còn lại trao đổi, bổ sung để hoàn thiện đáp án.

Ví dụ minh họa :

Ví dụ 1 : Khi dạy bài 11 “*Một số phạm trù cơ bản của đạo đức học*” (Giáo dục công dân lớp 10). Sau khi hướng dẫn học sinh tìm hiểu quan niệm về lương tâm, nhân phẩm và danh dự, giáo viên có thể tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm theo câu hỏi: *Hành vi tham ô tài sản của nhà nước hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để nhận hối lộ có ảnh hưởng đến lương tâm, nhân phẩm và danh dự của người thực hiện hành vi đó như thế nào? Hãy nêu một số ví dụ thực tế.*

Ví dụ 2 : Khi dạy bài 7 “*Công dân với các quyền dân chủ*” (Giáo dục công dân lớp 12), giáo viên có thể tổ chức cho học sinh thảo luận các câu hỏi sau:

1/ Theo em, học sinh trung học phổ thông có quyền tố cáo các hành vi tham ô, nhận hối lộ, đưa hối lộ, sách nhiễu ... không? Vì sao?

2/ Chúng ta cần có thái độ như thế nào và nên làm gì khi phát hiện hành vi tham ô, nhận hối lộ, đưa hối lộ?

2. Phương pháp giải quyết vấn đề

a) Bản chất

Giải quyết vấn đề là phương pháp dạy học, trong đó giáo viên đưa học sinh vào những vấn đề/tình huống có thực trong cuộc sống, chứa đựng mâu thuẫn giữa cái đã biết và cái chưa biết; hướng dẫn, kích thích học sinh chủ động, tự lực tìm hiểu tình huống, tìm giải pháp cần thiết để giải quyết vấn đề/tình huống đó. Phương pháp giải quyết vấn đề có tác dụng giúp học sinh có cách nhìn toàn diện trước các vấn đề/tình huống của cuộc sống có liên quan đến bản thân, biết cách giải quyết một cách có hiệu quả; rèn luyện kỹ năng tư duy phê phán và kỹ năng ra quyết định.

b) Cách thực hiện

- Đưa học sinh vào vấn đề/tình huống.

Giáo viên cho học sinh xem xét một tài liệu mô tả trường hợp nào đó phản ánh vấn đề cần tìm hiểu và giải quyết. Tình huống có thể do giáo viên mô tả bằng lời, có thể học sinh kể hoặc đọc trong tài liệu do giáo viên cung cấp, có thể qua băng hình, phim video, có thể do học sinh đóng... Trong quá trình mô tả tình huống, nếu có các phương tiện hỗ trợ như tranh/ảnh, băng hình, sơ đồ, bảng biểu... thì càng tốt.

- Học sinh tìm hiểu vấn đề/tình huống. Ở bước này, học sinh cần phải xác định, nhận diện được vấn đề/tình huống.

- Thu thập thông tin có liên quan đến vấn đề/tình huống đặt ra.

- Tìm giải pháp giải quyết tình huống:

+ Học sinh suy nghĩ tìm cách giải quyết vấn đề/tình huống, đề xuất giải pháp của cá nhân, lí giải, lập luận để bảo vệ giải pháp đó.

+ Liệt kê các cách giải quyết có thể có.

+ Phân tích, đánh giá kết quả mỗi cách giải quyết (mặt, lợi, mặt hại, cảm xúc...).

- Lựa chọn giải pháp/cách giải quyết tối ưu.

- Quyết định hành động và thực hiện trong thực tế theo cách giải quyết tình huống đã lựa chọn.

c) Một số điểm cần lưu ý

- Vấn đề /tình huống đưa ra để học sinh xử lý, giải quyết cần thoả mãn các yêu cầu sau:

- + Phải liên hệ với kinh nghiệm sống thực của học sinh.
- + Phải chứa đựng mâu thuẫn/ vấn đề, có thể liên quan đến nhiều phương diện, gợi ra cho học sinh nhiều hướng suy nghĩ, nhiều cách giải quyết.
- + Phải vừa sức với khả năng của học sinh và có thể giải quyết trong điều kiện cụ thể.

+ Có thể có nhiều cách giải quyết khác nhau, giúp học sinh hiểu được rằng một tình huống thực tiễn có nhiều phương diện xem xét khác nhau, nhiều cách giải quyết, không phải là chỉ có một.

- Các nhóm học sinh có thể giải quyết cùng một vấn đề/ tình huống hoặc các vấn đề/ tình huống khác nhau, tùy theo mục đích của hoạt động.

- Phương án giải quyết tình huống tối ưu đối với mỗi học sinh có thể giống nhau hoặc khác nhau. Giáo viên chỉ nên định hướng cho học sinh, không nên áp đặt một phương án nào.

Ví dụ minh họa:

Khi dạy bài 9 “*Nhà nước xã hội chủ nghĩa*” (Giáo dục công dân lớp 11), giáo viên có thể tổ chức cho học sinh giải quyết tình huống sau:

Ông An là cán bộ thuộc một công ty của Nhà nước. Trong quá trình công tác, ông nhận thấy giám đốc công ty có những biểu hiện tham nhũng, như nhận hối lộ để bao che cho những việc làm xấu, vi phạm nguyên tắc tài chính của Nhà nước; sử dụng tài sản, kinh phí của công ty để tiêu xài, đánh bạc, thường xuyên lấy xe ô tô của công ty để phục vụ cho công việc buôn bán làm ăn của vợ. Khi thấy một số người trong công ty có ý kiến phản đối, ông ta liền tìm cách đe dọa, trù dập họ và dùng tiền của công ty để lôi kéo, mua chuộc một số phần tử xấu ủng hộ, bao che cho những hành vi sai phạm của mình. Ông An rất bất bình trước những sai phạm của giám đốc, nhưng còn lưỡng lự chưa biết nên làm gì...

Câu hỏi :

1/ Theo em, hành vi của giám đốc công ty trên đã vi phạm pháp luật như

thế nào?

2/ Ông An nên làm gì để thực hiện tốt trách nhiệm của công dân trong việc tham gia xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

3. Phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình

a) Bản chất

Nghiên cứu trường hợp điển hình là phương pháp sử dụng một câu chuyện có thật hoặc câu chuyện được viết dựa trên những trường hợp thường xảy ra trong cuộc sống thực tiễn để minh chứng cho một vấn đề hay một số vấn đề. Nghiên cứu trường hợp điển hình có thể được thực hiện sau khi học sinh được nghe/đọc hoặc quan sát băng hình/phim video.

b) Cách thực hiện

Nghiên cứu trường hợp điển hình được thực hiện theo các bước sau:

- Học sinh đọc hoặc nghe kể/xem về trường hợp điển hình.
- Suy nghĩ về nội dung câu chuyện (có thể viết một vài suy nghĩ trước khi thảo luận điều đó với người khác).
- Thảo luận về trường hợp điển hình theo các câu hỏi hướng dẫn của GV.

c) Một số điểm cần lưu ý

- Vì trường hợp điển hình được nêu lên nhằm phản ánh tính đa dạng của cuộc sống thực, nên nó phải tương đối phức tạp, với các tuyến nhân vật và những tình huống khác nhau chứ không phải là một câu chuyện đơn giản.

- Trường hợp điển hình phải phù hợp với trình độ của học sinh và thời lượng cho phép.

- Có thể tổ chức cho cả lớp cùng nghiên cứu một trường hợp điển hình hoặc phân công mỗi nhóm nghiên cứu một trường hợp khác nhau.

Ví dụ minh họa :

Ví dụ 1: Khi dạy bài 2 “*Thực hiện pháp luật*” (Giáo dục công dân lớp 12), giáo viên có thể tổ chức cho học sinh nghiên cứu trường hợp điển hình sau:

Nhận hối lộ, hạt trưởng kiểm lâm huyện A lãnh 8 năm tù

Ngày 20/6/2012, Toà án nhân dân tỉnh M mở phiên sơ thẩm xét xử, tuyên phạt H 8 năm tù về tội nhận hối lộ.

Vào tháng 10/2011, hạt trưởng hạt kiểm lâm huyện A là H đã đòi công ty phải chi 30 triệu đồng mới được làm thủ tục vận chuyển 350m³ gỗ và phía công ty đã đưa cho H số tiền này. Tuy nhiên, H chỉ thừa nhận đã lấy của Công ty 10 triệu đồng. Cuối tháng 2/2012, H lại đòi 30 triệu đồng khi công ty này tận thu lâm sản dưới lòng sông Đồng Nai. Hai bên đã gặp gỡ tại quán cà phê ở thị trấn Đồng Nai, Công ty đưa cho H bì đựng 10 triệu đồng và hẹn vài ngày sau sẽ đưa tiếp 20 triệu nữa. Khi H vừa dứt túi số tiền 10 triệu đồng thì bị Công an bắt quả tang.

Câu hỏi :

1/ Theo em, hành vi của H đã vi phạm pháp luật gì và chịu trách nhiệm pháp lý gì? Vì sao ?

2/ Em có suy nghĩ gì về việc xử lý của các cơ quan pháp luật đối với hành vi của H ?

Ví dụ 2: Khi dạy bài 11 “Một số phạm trù cơ bản của đạo đức học” (Giáo dục công dân lớp 10), giáo viên có thể tổ chức cho học sinh nghiên cứu trường hợp điển hình sau:

Kiên quyết không nhận hối lộ và bao che tội phạm

Lúc 18 giờ ngày 10/12/2012, tổ kiểm tra 814 thuộc Ủy ban nhân dân phường 6 gồm các đồng chí T và V, quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh cùng với cảnh sát khu vực Công an phường 6 đi kiểm tra cơ sở hớt tóc số 120 Lê Đức Thọ, phường 6, quận Gò Vấp).

Trong quá trình kiểm tra, tổ công tác phát hiện ở cơ sở hớt tóc có một người tên N, sinh năm 1990, ngụ tại ấp 10 xã Thới Bình, huyện Thới Bình, Cà Mau, đang mặc trang phục công an nhân dân, cấp hàm thiếu úy. Khi kiểm tra giấy tờ tùy thân, N không xuất trình được. Trong lúc tổ công tác đang xác minh làm rõ, N móc trong túi ra một bọc tiền 11.000.000 đồng đưa cho đồng chí T và đồng chí V để được tổ kiểm tra bỏ qua. Hai đồng chí đã kiên quyết không nhận, đồng thời lập biên bản về hành vi đưa hối lộ, giả danh công an của tên N. Bên cạnh đó, tổ kiểm tra cũng làm rõ số tiền 45.000.000 đồng mà N mang trong người để xem xét chuyển cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận truy tố. Số

tiền này N và đồng bọn cùng thực hiện trong một vụ trộm cắp tài sản khác.

Tinh thần cảnh giác, liêm khiết và trách nhiệm của hai đồng chí T và V không chỉ góp phần đấu tranh phòng chống các loại tội phạm mà còn đẩy lùi nạn đưa và nhận hối lộ, làm trong sạch và nâng cao uy tín của bộ máy nhà nước, xứng đáng là những tấm gương tiêu biểu trong Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”.

Câu hỏi:

1/ Qua câu chuyện trên, em có suy nghĩ gì về nhân phẩm và danh dự của hai anh T và V trong câu ch?

2/ Tấm gương của hai anh đã giúp em hiểu thêm điều gì về hạnh phúc của con người trong xã hội hiện nay ?

4. Phương pháp đóng vai

a) Bản chất

Đóng vai là phương pháp tổ chức cho HS thực hành, “ làm thử” một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định. Học sinh sẽ đóng vai các nhân vật, thể hiện cách xử lí giải quyết tình huống trên cơ sở óc tưởng tượng và ý nghĩ sáng tạo của các em. Đây là phương pháp nhằm giúp HS suy nghĩ sâu sắc về một vấn đề bằng cách tập trung vào một sự việc cụ thể mà các em vừa thực hiện hoặc quan sát được. Việc “diễn” không phải là phần chính của phương pháp này mà điều quan trọng là sự thảo luận sau phần diễn ấy. Đóng vai có nhiều ưu thế trong việc rèn luyện kĩ năng ứng xử cho học sinh, làm nảy sinh óc sáng tạo của học sinh trong việc tìm kiếm cách xử lí và thể hiện cách ứng xử, làm thay đổi thái độ, hành vi của người học theo hướng tích cực.

b) Cách thực hiện

Đóng vai được tiến hành theo các bước sau:

- Giáo viên chia nhóm và giao nhiệm vụ đóng vai cho các nhóm, trong đó có quy định rõ thời gian chuẩn bị, thời gian đóng vai của mỗi nhóm.

Các nhóm thảo luận nghiên cứu tình huống, xây dựng kịch bản, chuẩn bị vai diễn và phân công đóng vai.

- Các nhóm lên đóng vai thể hiện cách ứng xử trong tình huống.

- Lóp thảo luận, nhận xét về cách ứng xử của các vai diễn.
- GV kết luận, định hướng cho HS về cách ứng xử tích cực trong tình huống đã cho.

c) Một số điểm cần lưu ý

- Tình huống để đóng vai cần để mở để học sinh tự tìm cách giải quyết, cách ứng xử phù hợp; không cho trước “ kịch bản”, lời thoại.
- Tình huống đóng vai phải có tính mục đích thật rõ ràng, không nên quá phức tạp và phải có nhiều cách giải quyết.
- Mỗi tình huống có thể phân công một hoặc nhiều nhóm cùng đóng vai, mỗi nhóm thể hiện cách ứng xử khác nhau, trên cơ sở đó học sinh nhận xét, đánh giá, so sánh các cách ứng xử và lựa chọn cách ứng xử tối ưu.
- Phải dành thời gian thích hợp cho học sinh thảo luận xây dựng kịch bản và chuẩn bị đóng vai.
- Trong khi học sinh thảo luận và chuẩn bị đóng vai, giáo viên nên đi đến từng nhóm lắng nghe và gợi ý, giúp đỡ học sinh khi cần thiết.

Ví dụ minh họa:

Khi dạy bài 15 “*Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa*” (Giáo dục công dân lớp 11), giáo viên có thể tổ chức cho học sinh đóng vai trong tình huống sau:

Anh Hùng là cán bộ kiểm lâm. Một lần trong khi đang làm nhiệm vụ, anh phát hiện một nhóm người đang vận chuyển gỗ trái phép ra khỏi rừng. Anh yêu cầu nhóm người này dừng lại và lập biên bản để xử lí. Họ nói nếu anh bỏ qua cho họ thì họ sẽ bồi dưỡng cho anh, và một người trong nhóm móc túi áo lấy ra một tập tiền đưa cho anh...

5. Phương pháp dự án

a) Bản chất

Dạy học theo dự án là một phương pháp dạy học, trong đó học sinh thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, gắn với thực tiễn, kết hợp lí thuyết với thực hành, tự lực lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá kết quả. Hình thức làm việc chủ yếu là theo nhóm, kết quả dự án là những sản phẩm hành động có thể giới thiệu được. Học theo dự án kích thích hứng thú học tập của học sinh, phát

huy tính tự lực, tính trách nhiệm và sự sáng tạo của người học, rèn luyện nhiều kĩ năng sống như hợp tác, giao tiếp, ra quyết định, giải quyết vấn đề, đặt mục tiêu, quản lí thời gian

b) Cách thực hiện

Phương pháp dự án được thực hiện qua các bước sau:

- Lựa chọn chủ đề: GV cùng học sinh đề xuất chủ đề, mục đích của dự án. GV có thể giới thiệu một số hướng đề tài để học sinh lựa chọn và cụ thể hoá thành những tiêu chủ đề.

- Xây dựng kế hoạch dự án: Học sinh xây dựng đề cương, kế hoạch thực hiện dự án. Trong kế hoạch cần xác định nội dung những công việc cần làm, dự kiến thời gian cho từng công việc, phân công thực hiện.

- Thực hiện kế hoạch dự án: Trong bước này, các thành viên và nhóm cần thực hiện các công việc đã được phân công, thu thập và xử lí thông tin, tìm câu trả lời cho các vấn đề cần giải quyết.

- Trình bày kết quả dự án: Học sinh trình những điều đã học được, tìm thấy hay tạo ra. Kết quả được trình bày dưới những hình thức khác nhau: bài thu hoạch, báo cáo, tranh ảnh, văn thơ, triển lãm, mô hình, diễn kịch, biểu diễn văn nghệ, phim video...

- Đánh giá dự án: Giáo viên và học sinh cùng đánh giá quá trình thực hiện và kết quả của dự án, rút kinh nghiệm cho các dự án tiếp theo.

c) Một số điểm cần lưu ý

- Đề tài dự án phải phù hợp với thực tiễn địa phương, phù hợp với khả năng và hứng thú của học sinh.

- Kế hoạch thực hiện dự án phải cụ thể, huy động được sự tích cực tham gia của học sinh.

- Trong các nhóm nên có cả học sinh khá giỏi và học sinh yếu để có thể giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau.

- Trong quá trình thực hiện dự án, giáo viên cần quan tâm động viên và hỗ trợ kịp thời khi học sinh gặp khó khăn.

Ví dụ minh hoạ: Khi dạy bài 3 “*Công dân bình đẳng trước pháp luật*”

(Giáo dục công dân lớp 12), giáo viên có thể tổ chức cho học sinh thực hiện dự án tìm hiểu về công tác phòng, chống tham nhũng và việc xử lý tội tham nhũng ở nước ta thể hiện sự bình đẳng về trách nhiệm pháp lí, không phân biệt người có chức vụ, quyền hạn cao hay thấp.

II- MỘT SỐ KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC

1. Kỹ thuật động não (công não)

Động não là kỹ thuật giúp cho HS trong một thời gian ngắn nảy sinh được nhiều ý tưởng mới mẻ, độc đáo về một chủ đề nào đó. Các thành viên được cổ vũ tham gia một cách tích cực, không hạn chế các ý tưởng. Động não thường được sử dụng trong giai đoạn giới thiệu vào một chủ đề; tìm các phương án giải quyết vấn đề; thu thập các khả năng lựa chọn và suy nghĩ khác nhau.

Động não có thể tiến hành theo các bước s:

- Giáo viên nêu câu hỏi hoặc vấn đề cần được trả lời hoặc giải quyết.
- Khích lệ HS phát biểu và đóng góp ý kiến càng nhiều càng tốt.
- Liệt kê tất cả mọi ý kiến lên bảng, không loại trừ một ý kiến nào, trừ trường hợp trùng lặp.
- Phân loại các ý kiến.
- Làm sáng tỏ những ý kiến chưa rõ ràng.
- Tổng hợp ý kiến của HS và rút ra kết luận.

2. Kỹ thuật khăn trải bàn

- HS được chia thành các nhóm nhỏ từ 4 đến 6 người. Mỗi nhóm có một tờ giấy A0 đặt trên bàn, như là một chiếc khăn trải bàn.

- Chia giấy A0 thành phần chính giữa và phần xung quanh, tiếp tục chia phần xung quanh thành 4 hoặc 6 phần tùy theo số thành viên của nhóm (4 hoặc 6 người).

- GV nêu câu hỏi hoặc vấn đề cho các nhóm.
- Mỗi thành viên trong nhóm suy nghĩ và viết các ý tưởng của mình vào phần cạnh “khăn trải bàn” trước mặt mình. Sau vài phút, khi mọi người đều đã xong, thảo luận nhóm, tìm ra những ý tưởng chung và viết vào phần chính giữa “khăn trải bàn”.

3. Kỹ thuật phòng tranh

Kỹ thuật này có thể sử dụng cho hoạt động cá nhân hoặc hoạt động nhóm.

- GV nêu câu hỏi/ vấn đề cho cả lớp hoặc cho các nhóm.

- Mỗi thành viên (hoạt động cá nhân) hoặc các nhóm (hoạt động nhóm) phác họa những ý tưởng về cách giải quyết vấn đề trên một tờ bìa và dán lên tường xung quanh lớp học như một triển lãm tranh.

- HS cả lớp đi xem “triển lãm” và có thể có ý kiến bình luận hoặc bổ sung.

- Cuối cùng, tất cả các phương án giải quyết được tập hợp lại và tìm phương án tối ưu.

4. Kỹ thuật công đoạn

- HS được chia thành các nhóm, mỗi nhóm được giao giải quyết một nhiệm vụ khác nhau.

- Sau khi các nhóm thảo luận và ghi kết quả thảo luận vào giấy A0 xong, các nhóm sẽ luân chuyển giấy A0 ghi kết quả thảo luận cho nhau (nhóm 1 chuyển cho nhóm 2, Nhóm 2 chuyển cho nhóm 3, Nhóm 3 chuyển cho nhóm 4, Nhóm 4 chuyển cho nhóm 1).

- Các nhóm đọc và góp ý kiến bổ sung cho nhóm bạn. Sau đó lại tiếp tục luân chuyển kết quả cho nhóm tiếp theo và nhận tiếp kết quả từ một nhóm khác để góp ý.

- Cứ như vậy cho đến khi các nhóm đã nhận lại được tờ giấy A0 của nhóm mình cùng với các ý kiến góp ý của các nhóm khác. Từng nhóm sẽ xem và xử lý các ý kiến của các bạn để hoàn thiện lại kết quả thảo luận của nhóm. Sau khi hoàn thiện xong, nhóm sẽ treo kết quả thảo luận lên tường lớp học.

5. Kỹ thuật hỏi và trả lời

- GV (hoặc 1 HS) bắt đầu đặt một câu hỏi về chủ đề và yêu cầu một HS khác trả lời câu hỏi đó.

- HS vừa trả lời xong câu hỏi đầu tiên lại được đặt tiếp một câu hỏi nữa và yêu cầu một HS khác trả lời.

- HS này sẽ tiếp tục quá trình trả lời và đặt câu hỏi cho các bạn cùng lớp.

Việc hỏi và trả lời cứ tiếp tục cho đến khi GV quyết định dừng hoạt động này lại.

6. Kỹ thuật “Hỏi chuyên gia”

- HS xung phong (hoặc theo sự phân công của GV) tạo thành các nhóm “chuyên gia” về một chủ đề nhất định.

- Các ”chuyên gia” nghiên cứu và thảo luận với nhau về những tư liệu có liên quan đến chủ đề mình được phân công.

- Nhóm ”chuyên gia” lên ngôi phía trên lớp học

- Một em trưởng nhóm ”chuyên gia” (hoặc GV) sẽ điều khiển buổi “tư vấn”, mời các bạn HS trong lớp đặt câu hỏi rồi mời ”chuyên gia” giải đáp, trả lời.

7. Kỹ thuật “ Trình bày một phút”

Đây là kỹ thuật tạo cơ hội cho HS tổng kết lại kiến thức đã học và đặt những câu hỏi về những điều còn băn khoăn, thắc mắc bằng các bài trình bày ngắn gọn và cô đọng với các bạn cùng lớp. Các câu hỏi cũng như các câu trả lời HS đưa ra sẽ giúp củng cố quá trình học tập của các em và cho GV thấy được các em đã hiểu vấn đề như thế nào.

Kỹ thuật này có thể tiến hành như sau:

- Cuối tiết học (thậm chí giữa tiết học), GV yêu cầu HS suy nghĩ, trả lời các câu hỏi sau: Điều quan trọng nhất các em học được hôm nay là gì? Theo các em, vấn đề gì là quan trọng nhất mà chưa được giải đáp?...

- HS suy nghĩ và viết ra giấy. Các câu hỏi của HS có thể dưới nhiều hình thức khác nhau.

- Mỗi HS trình bày trước lớp trong thời gian 1 phút về những điều các em đã học được và những câu hỏi các em muốn được giải đáp hay những vấn đề các em muốn được tiếp tục tìm hiểu thêm.

8. Kỹ thuật bản đồ tư duy

Bản đồ tư duy (còn được gọi là bản đồ khái niệm) là một sơ đồ nhằm trình bày một cách rõ ràng những ý tưởng mang tính kế hoạch hay kết quả làm việc của cá nhân hay nhóm về một chủ đề.

Cách tiến hành như sau:

- Viết tên chủ đề ở trung tâm, hay vẽ một hình ảnh phản ánh chủ đề.
- Từ chủ đề/ ý tưởng chính ở trung tâm, vẽ các nhánh chính, trên mỗi nhánh chính viết một nội dung lớn của chủ đề hoặc các ý tưởng có liên quan xoay quanh ý tưởng trung tâm nói trên.
- Từ mỗi nhánh chính vẽ tiếp các nhánh phụ để viết tiếp những nội dung thuộc nhánh chính đó.
- Tiếp tục như vậy ở các tầng phụ tiếp theo.

Ứng dụng của bản đồ tư duy:

Bản đồ tư duy có thể ứng dụng trong nhiều tình huống khác nhau như:

- Tóm tắt nội dung, ôn tập một chủ đề.
- Trình bày tổng quan một chủ đề.
- Thu thập, sắp xếp các ý tưởng.

9. Kỹ thuật XYZ

Kỹ thuật XYZ là một kỹ thuật nhằm phát huy tính tích cực trong thảo luận nhóm. X là số người trong nhóm, Y là số ý kiến mỗi người cần đưa ra, Z là phút dành cho mỗi người. Ví dụ kỹ thuật 635 thực hiện như sau:

- Mỗi nhóm 6 người, mỗi người viết 3 ý kiến trên một tờ giấy trong vòng 5 phút về cách giải quyết một vấn đề và tiếp tục chuyển cho người bên cạnh.
- Tiếp tục như vậy cho đến khi tất cả mọi người đều viết ý kiến của mình, có thể lặp lại vòng khác.
- Con số X-Y-Z có thể thay đổi.

Sau khi thu thập ý kiến thì tiến hành thảo luận, đánh giá các ý kiến.

10. Kỹ thuật "bể cá"

Kỹ thuật bể cá là một kỹ thuật dùng cho thảo luận nhóm, trong đó một nhóm HS ngồi giữa lớp và thảo luận với nhau, còn những HS khác trong lớp ngồi xung quanh ở vòng ngoài theo dõi cuộc thảo luận đó và sau khi kết thúc cuộc thảo luận thì đưa ra những nhận xét về cách ứng xử của những HS thảo

luận. Trong nhóm thảo luận có thể có một vị trí không có người ngồi. HS tham gia nhóm quan sát có thể ngồi vào chỗ đó và đóng góp ý kiến vào cuộc thảo luận, ví dụ đưa ra một câu hỏi đối với nhóm thảo luận hoặc phát biểu ý kiến khi cuộc thảo luận bị chững lại trong nhóm. Cách luyện tập này được gọi là phương pháp thảo luận "bể cá", vì những người ngồi vòng ngoài có thể quan sát những người thảo luận, tương tự như xem những con cá trong một bể cá cảnh. Trong quá trình thảo luận, những người quan sát và những người thảo luận sẽ thay đổi vai trò với nhau.

Bảng câu hỏi cho những người quan sát:

- Người nói có nhìn vào những người đang nói với mình không?
- Họ có nói một cách dễ hiểu không?
- Họ có đề những người khác nói hay không?
- Họ có đưa ra được những luận điểm đáng thuyết phục hay không?
- Họ có đề cập đến luận điểm của người nói trước mình không?
- Họ có lệch hướng khỏi đề tài hay không?
- Họ có tôn trọng những quan điểm khác hay không?

11. Kỹ thuật "đọc hợp tác" (còn gọi là đọc tích cực)

Kỹ thuật này nhằm giúp HS tăng cường khả năng tự học và giúp GV tiết kiệm thời gian đối với những bài học/phần đọc có nhiều nội dung nhưng không quá khó đối với HS.

Cách tiến hành như sau:

- GV nêu câu hỏi/yêu cầu định hướng HS đọc bài/phần đọc.
- HS làm việc cá nhân:
 - + Đoán trước khi đọc: Để làm việc này, HS cần đọc lướt qua bài đọc/phần đọc để tìm ra những gợi ý từ hình ảnh, tựa đề, từ/cụm từ quan trọng.
 - + Đọc và đoán nội dung : HS đọc bài/phần đọc và biết liên tưởng tới những gì mình đã biết và đoán nội dung khi đọc những từ hay khái niệm mà các em phải tìm ra.
 - + Tìm ý chính: HS tìm ra ý chính của bài/phần đọc qua việc tập trung vào các ý quan trọng theo cách hiểu của mình.

+ Tóm tắt ý chính.

- HS chia sẻ kết quả đọc của mình theo nhóm 2, hoặc 4 và giải thích cho nhau thắc mắc (nếu có), thống nhất với nhau ý chính của bài/phần đọc.

- HS nêu câu hỏi để GV giải đáp (nếu có).

Lưu ý: Một số câu hỏi GV thường dùng để giúp HS tóm tắt ý chính:

- Em có chú ý gì khi đọc ?

- Em nghĩ gì về..... ?

- Em so sánh A và B như thế nào?

- A và B giống và khác nhau như thế nào?- ...

III- HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC THỰC HÀNH, THỰC TẾ, NGOẠI KHOÁ VỀ GIÁO DỤC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

Trong dạy học tích hợp giáo dục phòng, chống tham nhũng, tùy điều kiện thực tế của nhà trường và của địa phương, có thể tổ chức các hình thức hoạt thực hành, thực tế, ngoại khoá sau :

1. Hoạt động thực hành

- Tổ chức cho học sinh thực hiện các dự án điều tra, tìm hiểu tình hình công tác phòng, chống tham nhũng ở địa phương và trong toàn quốc; tìm hiểu các hình thức xử lý của pháp luật đối với các vi phạm liên quan đến tham nhũng.

- Tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động tuyên truyền về nội dung, biện pháp phòng, chống tham nhũng ...

2. Hoạt động thực tế

Có thể tổ chức cho học sinh tham dự các phiên toà xét xử tội tham ô, nhận hối lộ, lợi dụng chức vụ, quyền hạn vì vụ lợi

3. Hoạt động ngoại khoá

- Tổ chức cho học sinh nghe nói chuyện, giao lưu với cán bộ địa phương về các nội dung, biện pháp phòng, chống tham nhũng.

- Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu Luật Phòng, chống tham nhũng, thi văn nghệ, thi vẽ tranh, làm thơ, trình diễn tiểu phẩm, làm báo tường, triển lãm ... về chủ đề phòng, chống tham nhũng.

IV- MỘT SỐ GỢI Ý BÀI SOẠN TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

Lớp 11

Bài 10

NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

I- MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

- Nêu được bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.
- Nêu được nội dung cơ bản của dân chủ trong lĩnh vực chính trị, văn hoá, xã hội ở nước ta hiện nay.
- Nêu được hai hình thức cơ bản của dân chủ là dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp (dân chủ đại diện).

2. Về kĩ năng

Biết thực hiện quyền làm chủ trong các lĩnh vực chính trị, văn hoá, xã hội phù hợp với lứa tuổi.

3. Về thái độ

Tích cực tham gia các hoạt động thể hiện tính dân chủ phù hợp với lứa tuổi ; phê phán các hành vi, luận điệu xuyên tạc, chống lại nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

II- PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Thuyết trình;
- Đàm thoại;
- Xử lí tình huống;
- Thảo luận nhóm/lớp;
- Kỹ thuật trình bày 1 phút;
- Động não;

III- PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Sách giáo khoa và sách giáo viên GDCD lớp 11;
- Giấy khổ lớn, bút dạ, băng dính, kéo;
- Tranh ảnh hoặc băng hình về hoạt động dân chủ ở nước ta;
- Máy chiếu (nếu có).

IV- CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

*** Hoạt động giới thiệu bài**

GV cho HS quan sát tranh ảnh hoặc một đoạn băng hình ngắn về các hoạt động thể hiện tính dân chủ ở nước ta và đặt câu hỏi để tìm hiểu những kinh nghiệm đã có của học sinh:

- Em hãy nêu một số ví dụ về quyền dân chủ của nhân dân ở nước ta hiện nay.
- Em hiểu thế nào là dân chủ xã hội chủ nghĩa?

*** Hoạt động 1:** Thảo luận nhóm đôi tìm hiểu bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

- **Mục tiêu:** HS nêu được bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

- **Cách tiến hành:**

+ Cá nhân HS tự nghiên cứu nội dung mục 1 “Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa” trong SGK.

+ Từng cặp trao đổi theo câu hỏi sau: Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là gì?

+ GV yêu cầu một số cặp HS trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình.

+ Các nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến.

Kết luận:

GV chốt đáp án cho câu hỏi :

Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là nền dân chủ của nhân dân lao động, được thực hiện chủ yếu bằng nhà nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

*** Hoạt động 2:** Thảo luận nhóm tìm hiểu nội dung cơ bản của dân chủ trong các lĩnh vực của đời sống. (*Hoạt động tích hợp nội dung giáo dục phòng,*

chống tham nhũng)

- **Mục tiêu:** HS nêu được nội dung cơ bản của dân chủ trong lĩnh vực chính trị, văn hoá, xã hội ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

- **Cách tiến hành:**

+ GV chia HS thành nhiều nhóm nhỏ và yêu cầu mỗi nhóm thảo luận về nội dung dân chủ xã hội chủ nghĩa trong một lĩnh vực (chính trị, văn hóa, xã hội) và lấy ví dụ để làm sáng tỏ nội dung đó.

+ Các nhóm thảo luận, ghi kết quả ra giấy khổ lớn.

+ GV yêu cầu 4 nhóm lần lượt trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình, sử dụng kỹ thuật trình bày 1 phút.

+ Các nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến.

Kết luận: GV chốt lại các nội dung cơ bản của dân chủ xã hội chủ nghĩa trên cơ sở báo cáo của các nhóm:

1/ Nội dung cơ bản của dân chủ xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực chính trị trước hết là để bảo đảm các quyền sau của công dân:

+ Quyền bầu cử, ứng cử vào các cơ quan quyền lực nhà nước, các tổ chức chính trị-xã hội.

+ Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận các vấn đề chung của Nhà nước và địa phương

+ Quyền kiến nghị với các cơ quan nhà nước, biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân

+ Quyền được thông tin, tự do ngôn luận, tự do báo chí.

2/ Nội dung cơ bản của dân chủ xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực văn hoá được thực hiện trước hết ở việc đảm bảo những quyền sau của công dân:

+ Quyền được tham gia vào đời sống văn hoá;

+ Quyền được hưởng các lợi ích từ sáng tạo văn hoá, nghệ thuật của mình;

+ Quyền sáng tác, phê bình văn học, nghệ thuật.

3/ Nội dung cơ bản của dân chủ xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực xã hội

được thể hiện ở các quyền sau của công dân:

- + Quyền lao động;
- + Quyền bình đẳng nam nữ;
- + Quyền được hưởng an toàn xã hội và bảo hiểm xã hội;
- + Quyền được hưởng chế độ bảo vệ sức khỏe;
- + Quyền được bảo đảm về mặt vật chất và tinh thần khi không còn khả năng lao động;
- + Quyền được bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi, về cống hiến và hưởng thụ.

*** GV tổ chức thảo luận lớp để tích hợp nội dung giáo dục phòng, chống tham nhũng:**

GV cho HS trao đổi trước lớp theo câu hỏi: *Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị là thể hiện quyền dân chủ trong lĩnh vực nào và có ý nghĩa gì?*

Sau khi cho một vài HS phát biểu ý kiến, trao đổi, GV giải thích: Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị là thể quyền dân chủ trong lĩnh vực chính trị. Đây là một trong các biện pháp cần thiết góp phần vào việc phòng ngừa tham nhũng.

GV giới thiệu khoản 2 Điều 11 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005: “Cơ quan, tổ chức, đơn vị phải công khai hoạt động của mình, trừ nội dung thuộc bí mật nhà nước và những nội dung khác”, và giải thích cho HS về những lĩnh vực, công việc cần được công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật (được đề cập trong phần thứ nhất).

*** Hoạt động 3:** Tìm hiểu những hình thức cơ bản của dân chủ.

- **Mục tiêu:** HS nêu được những hình thức cơ bản của dân chủ.

- **Cách tiến hành:**

+ GV dùng phương pháp động não, yêu cầu HS nêu ví dụ về một số hình thức dân chủ ở nước ta hiện nay.

+ GV ghi các ý kiến của HS lên bảng.

+ Hướng dẫn HS so sánh, đối chiếu, tìm ra những điểm khác biệt giữa các hình thức dân chủ để đi đến hai hình thức dân chủ cơ bản là dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp.

+ Hướng dẫn HS hoàn thành bảng liệt kê các ví dụ về hình thức dân chủ theo 2 cột: Dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp.

Kết luận: GV giới thiệu khái niệm về dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp:

+ Dân chủ trực tiếp là hình thức dân chủ với những quy chế, thiết chế để nhân dân thảo luận, biểu quyết, tham gia trực tiếp quyết định công việc của cộng đồng, của Nhà nước.

+ Dân chủ gián tiếp là hình thức dân chủ thông qua những quy chế, thiết chế để nhân dân bầu ra những người đại diện thay mặt mình quyết định các công việc chung của cộng đồng, của Nhà nước.

*** Luyện tập/củng cố**

Giải quyết vấn đề/ tình huống liên quan đến việc thực hiện quyền dân chủ.

- **Mục tiêu:** HS biết cách thực hiện quyền dân chủ phù hợp với lứa tuổi.

- **Cách tiến hành:**

+ GV nêu tình huống:

Minh là lớp trưởng lớp 11A của một trường THPT, cao to, khỏe nhất lớp. Minh thường cậy thế bắt nạt các bạn yếu và học kém hơn mình, bắt các bạn đó phải chiêu đãi Minh bằng những cuộc chơi điện tử hoặc nộp các đồ dùng học tập cho Minh. Bạn nào có khuyết điểm chỉ cần nộp cho Minh một món quà nhỏ là Minh sẵn sàng bỏ qua khuyết điểm cho.

Câu hỏi :

1/ Em có tán thành những việc làm của Minh và của một số bạn trong lớp Minh không? Vì sao?

2/ Các bạn trong lớp Minh nên làm gì để ngăn chặn việc làm đó?

3/ Theo em, chúng ta nên sử dụng quyền dân chủ như thế nào để loại trừ những việc làm tương tự, xây dựng tập thể vững mạnh?

- HS tìm hiểu tình huống, suy nghĩ, phát biểu ý kiến trao đổi.

Kết luận:

1/ Không tán thành việc làm của Minh cũng như của một số bạn trong lớp Minh, vì việc làm của Minh là sai trái, thể hiện sự lạm dụng quyền lớp trưởng để vụ lợi cá nhân. Một số bạn làm theo yêu cầu của Minh cũng là sai vì đã không biết thực hiện quyền dân chủ của mình và như vậy sẽ làm cho Minh ngày càng lún sâu vào sai lầm.

2/ Những bạn bị Minh bắt nạt cần tỏ thái độ phản đối, không làm theo yêu cầu của Minh. Tập thể lớp cần góp ý cho Minh sửa chữa, có thể báo cáo với GV chủ nhiệm để có biện pháp giúp đỡ Minh.

3/ Chúng ta cần sử dụng quyền dân chủ của mình để tham gia xây dựng tập thể, đóng góp cho xã hội nhưng phải tôn trọng kỉ luật, tuân theo pháp luật và tôn trọng quyền dân chủ của người khác.

*** Hoạt động tiếp nối**

- GV khuyến khích HS tiếp tục tìm trong thực tế những biểu hiện dân chủ và những biểu hiện thiếu dân chủ qua quan sát thực tế và qua sách báo, các phương tiện thông tin khác.

- Yêu cầu HS suy nghĩ xem bản thân phải làm gì để góp phần thực hiện nếp sống dân chủ, trước hết là trong tập thể và thực hiện những điều đó.

- HS đề xuất tập thể lớp cần làm gì để xây dựng nếp sống dân chủ.

Lớp 12

Bài 2

THỰC HIỆN PHÁP LUẬT

I- MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm thực hiện pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật.

- Hiểu được thế nào là vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí; các loại

vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.

2. Về kĩ năng

Biết cách thực hiện pháp luật phù hợp với lứa tuổi

3. Về thái độ

Có thái độ tôn trọng pháp luật, ủng hộ những hành vi thực hiện đúng pháp luật và phê phán những hành vi làm trái quy định của pháp luật.

II- PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Thuyết trình;
- Đàm thoại;
- Thảo luận nhóm/lớp;
- Kỹ thuật khăn trải bàn;
- Đàm thoại, thuyết trình;
- Phân tích xử lí tình huống.

III- PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Sách giáo khoa và sách giáo viên GDCD lớp 12;
- Giấy khổ lớn, bút dạ, băng dính, kéo;
- Tranh ảnh hoặc băng hình về vấn đề thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và xử lí vi phạm pháp luật ở nước ta;
- Máy chiếu (nếu có).

IV- CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Bài này có 2 mục, nội dung tích hợp giáo dục phòng, chống tham nhũng được thực hiện ở mục 2 “*Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí*”.

Mở đầu tiết học, giáo viên đặt câu hỏi cho học sinh suy nghĩ trả lời: Khi cá nhân có hành vi làm trái quy định của pháp luật thì những hành vi đó được gọi là gì và chủ thể hành vi có phải chịu trách nhiệm gì không?

Giáo viên nhận xét phần trả lời của học sinh và chốt lại: Khi cá nhân có hành vi làm trái quy định của pháp luật, không tuân thủ pháp luật thì những hành

vi đó được gọi là vi phạm pháp luật và người vi phạm phải chịu trách nhiệm pháp lí.

Để hiểu rõ hơn vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí là gì chúng ta sẽ tìm hiểu nội dung mục 2 của bài.

*** Hoạt động 1:** Thảo luận nhóm tìm hiểu thế nào là vi phạm pháp luật.
(*Hoạt động tích hợp nội dung giáo dục phòng, chống tham nhũng*)

- **Mục tiêu:** HS hiểu được thế nào là vi phạm pháp luật.

- **Cách tiến hành:**

+ Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm nghiên cứu tình huống trong SGK trang 19 mục 2 “Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí” và trả lời các câu hỏi sau:

1/ Lí do bố bạn A đưa ra có xác đáng không? Vì sao?

2/ Hành vi của hai bố con bạn A có phải là vi phạm pháp luật không, có phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình không, vì sao?

3/ Cảnh sát giao thông phạt cả hai bố con bạn A có đúng không? vì sao?

4/ Để nhận biết vi phạm pháp luật cần dựa trên những dấu hiệu cơ bản nào?

5/ Vi phạm pháp luật là gì?

- Các nhóm thảo luận, áp dụng kĩ thuật khăn trải bàn, ghi kết quả thảo luận ra giấy khổ lớn và trưng bày xung quanh tường lớp học.

- Các nhóm lần lượt lên trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến.

Kết luận:

- GV chốt đáp án cho từng câu hỏi:

1/ Lí do bố bạn A đưa ra là không xác đáng, vì:

- Dù vô tình, nhưng hai bố con bạn A đã lái xe máy đi ngược đường một chiều, làm trái quy định của pháp luật.

- Bạn A chưa đến tuổi được phép tự lái xe mô tô.

- Bạn A đã 16 tuổi đã phải chịu trách nhiệm về mọi hành vi vi phạm pháp luật của mình.

2/ Hành vi của hai bố con bạn A là vi phạm pháp luật, vì:

- Đây là hành vi trái pháp luật, trái với Luật Giao thông đường bộ.
- Hai bố con bạn A đều có năng lực trách nhiệm pháp lí.
- Hành vi của bố con bạn A là có lỗi (bạn A biết mình chưa đến tuổi đã điều khiển xe mô tô, hai bố con bạn A biết mình không được phép đi ngược đường một chiều nhưng vẫn cứ đi).

3/ Cảnh sát giao thông xử phạt hai bố con bạn A là hoàn toàn đúng, vì:

- Hành vi của hai bố con bạn A là vi phạm pháp luật.
- Để buộc bố con bạn A chấm dứt hành vi trái pháp luật, để họ hiểu và không tái phạm, đồng thời giáo dục, răn đe những người khác không mắc phải những lỗi tương tự.

4/ Những dấu hiệu cơ bản của vi phạm pháp luật:

- Thứ nhất: là hành vi trái pháp luật. Những hành vi trái pháp luật được biểu hiện như sau:

- + Làm những việc không được làm theo quy định của pháp luật.
 - + Không làm những việc phải làm theo quy định của pháp luật.
 - + Xâm phạm, gây thiệt hại cho những quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.
- Thứ 2: Do người có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện.

+ Năng lực trách nhiệm pháp lí:

- Đạt đến độ tuổi theo quy định của pháp luật.
- Có thể nhận thức và điều khiển được hành vi của mình.
- Tự quyết định cách xử sự của mình.

- Thứ 3: Người có hành vi trái pháp luật có lỗi.

Lỗi thể hiện thái độ của người biết hành vi của mình là sai, trái pháp luật, có thể gây hậu quả không tốt. Lỗi được thể hiện dưới hai hình thức: lỗi cố ý và lỗi vô ý.

Kết luận: Vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật, có lỗi, do người có năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện, xâm phạm các quan hệ xã hội được pháp

luật bảo vệ.

*** GV tổ chức thảo luận lớp để tích hợp nội dung giáo dục phòng, chống tham nhũng:**

- GV nêu tình huống :

Sau khi học bài về vi phạm pháp luật, một số bạn ngồi ôn lại bài và nói chuyện với nhau. Bạn Nam kể:

Hôm trước đi học về tớ thấy ở ngã tư gần trường mình một chị đi xe máy vượt đèn đỏ bị chú cảnh sát giao thông giữ lại. Chị ấy dúi vào tay chú cảnh sát tờ 200 nghìn và được chú cảnh sát cho đi. Chị ấy chắc chắn là vi phạm pháp luật rồi nhưng sao lại không bị xử lý nhỉ, mà còn chú công an kia nữa, chú ấy nhận tiền như vậy có phải là vi phạm pháp luật không?

Một số bạn có ý kiến như sau:

- *Bạn Hòa: chú công an không vi phạm pháp luật vì chị đưa 200 nghìn coi như đã mất tiền để nộp phạt rồi.*

- *Bạn Trang: Hành vi nhận tiền của chú công an là vi phạm pháp luật vì chú ấy nhận tiền để không lập biên bản xử lý vi phạm chị kia, như vậy là nhận hối lộ, là vi phạm pháp luật.*

Em đồng ý với ý kiến của bạn Hòa hay bạn Trang, giải thích vì sao?

- HS suy nghĩ, xung phong phát biểu ý kiến trao đổi, tranh luận.

- GV giải thích: Ý kiến của bạn Trang là hoàn toàn đúng đắn, hành vi của người công an kia là vi phạm pháp luật, cụ thể đây là hành vi tham nhũng, đã được quy định tại Điều 3 của Luật Phòng, chống tham nhũng. Người công an này đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ để vụ lợi, nhận tiền không xử lý sai phạm.

GV giới thiệu cho HS về Luật Phòng, chống tham nhũng (phần Phụ lục)/

- GV đưa tiếp các câu hỏi để học sinh trao đổi:

+ Nguyên nhân nào khiến con người có hành vi tham nhũng?

+ Theo các em, những hành vi tham nhũng có tác hại gì đối với con người và xã hội?

- GV chốt lại sau khi HS trả lời, trao đổi:

+ Nguyên nhân khiến con người có hành vi tham nhũng là do không tự chủ, không kiểm chế được lòng tham bất chính, thiếu ý thức rèn luyện đạo đức, coi thường pháp luật, đáng bị lên án.

+ Người có hành vi tham nhũng bị xã hội lên án, bị pháp luật xử lí, mất hết nhân phẩm, danh dự, tương lai. Hành vi đó làm mất tính nghiêm minh của pháp luật, mất lòng tin của nhân dân vào cán bộ nhà nước và gây ra những tiêu cực trong xã hội.

* **Hoạt động 2:** Tìm hiểu nội dung trách nhiệm pháp lí.

- **Mục tiêu:** HS hiểu được thế nào là trách nhiệm pháp lí.

- **Cách tiến hành:**

+ GV yêu cầu HS đọc SGK (phần b) mục 2) và nêu các thắc mắc.

+ GV giải thích và lấy ví dụ làm rõ thuật ngữ trách nhiệm trong lĩnh vực pháp luật.

+ GV yêu cầu HS lấy ví dụ về những hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm mà chủ thể đó phải gánh chịu về hành vi mình gây ra.

Ví dụ:

+ Đi xe đạp dàn hàng ngang từ 3 xe trở lên.

+ Điều khiển xe đạp lạng lách, đánh võng, đuổi nhau trên đường thì bị phạt tiền 100.000đ đến 200.000 đ.

+ Người nào xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của người khác thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 2 năm.

+ Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để nhận hối lộ từ 2.000.000đ trở lên để làm hoặc không làm một việc có lợi cho người đưa hối lộ sẽ bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm.

- GV tiếp tục lần lượt đưa ra các câu hỏi để HS trả lời:

1/ Hành vi của bố con bạn A đã xâm phạm đến quan hệ xã hội nào mà pháp luật bảo vệ?

2/ Hành vi đó có gây ảnh hưởng đến lợi ích của người khác, của xã hội không? Vì sao?

3/ Họ phải chịu trách nhiệm trước ai?

4/ Em hiểu thế nào là trách nhiệm pháp lí?

Kết luận: GV nhận xét phần trả lời của học sinh và chốt lại:

1/ Hành vi của bố con bạn A xâm phạm đến quan hệ xã hội là trật tự, an toàn giao thông.

2/ Hành vi đó có thể gây nguy hại cho tính mạng, tài sản và sức khỏe của người khác, gây ảnh hưởng đến quá trình tham gia giao thông của mọi người.

3/ Họ phải chịu trách nhiệm trước Nhà nước mà người cảnh sát giao thông là đại diện.

4. Trách nhiệm pháp lí là nghĩa vụ mà các cá nhân hoặc tổ chức phải gánh chịu hậu quả bất lợi từ hành vi vi phạm pháp luật của mình.

* **Hoạt động 3:** Thảo luận nhóm đôi tìm hiểu các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.

- **Mục tiêu:** HS phân biệt được các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí tương ứng

- **Cách tiến hành:**

+ GV phát phiếu học tập và hướng dẫn HS làm việc theo yêu cầu: Thảo luận nhóm đôi, ghi những nội dung cơ bản của các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí tương ứng theo mẫu phiếu sau:

Lĩnh vực	Vi phạm pháp luật	Trách nhiệm pháp lí tương ứng
Hình sự		
Hành chính		

Dân sự		
Kỉ luật		

- + Cá nhân HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu của phiếu học tập.
- + Thảo luận nhóm đôi để hoàn thiện phiếu học tập.
- + GV yêu cầu đại diện từng nhóm đôi học sinh (4 nhóm) trình bày phần làm việc của mình (có thể viết lên khổ giấy A0 đã được in theo mẫu trên, hoặc đọc trước lớp), cả lớp theo dõi, nhận xét và bổ sung ý kiến.

Kết luận: GV nhận xét phần trình bày của HS và chốt lại:

Lĩnh vực	Vi phạm pháp luật	Trách nhiệm pháp lí tương ứng
Hình sự	<i>Vi phạm hình sự</i> Là những hành vi nguy hiểm cho xã hội, bị coi là tội phạm được quy định tại Bộ luật Hình sự	<i>Trách nhiệm hình sự</i> Người phạm tội phải chấp hành hình phạt theo quyết định của Toà án.
Hành chính	<i>Vi phạm hành chính</i> Là hành vi vi phạm pháp luật có mức độ nguy hiểm cho xã hội thấp hơn tội phạm, xâm phạm các quy tắc quản lý nhà nước.	<i>Trách nhiệm hành chính</i> Người có hành vi vi phạm hành chính (cá nhân, tổ chức, cơ quan) phải chịu trách nhiệm hành chính, như: bị phạt tiền, phạt cảnh cáo, khôi phục lại tình trạng ban đầu, thu giữ tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm,
Dân sự	<i>Vi phạm dân sự</i> Là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm tới các quan hệ tài sản (quan hệ sở hữu, quan hệ hợp đồng ...), và quan hệ nhân thân.	<i>Trách nhiệm dân sự</i> Người có hành vi vi phạm dân sự phải chịu trách nhiệm dân sự, như: bồi thường thiệt hại về vật chất và đôi khi còn có trách nhiệm bồi thường tổn thất về tinh thần.

Kỉ luật	<i>Vi phạm kỉ luật</i> Là hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến kỉ luật lao động và công vụ nhà nước.. do pháp luật lao động và pháp luật hành chính bảo vệ.	<i>Trách nhiệm kỉ luật</i> Cán bộ, công chức, viên chức vi phạm kỉ luật phải chịu trách nhiệm kỉ luật với các hình thức khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, chuyển công tác khác, buộc thôi việc,
----------------	---	--

*** Luyện tập, củng cố**

1. Những hành vi nào sau đây vi phạm pháp luật? (hãy đánh dấu (X) vào cột tương ứng). Trong đó, hành vi nào là hành vi tham nhũng?

Hành vi	Hành vi vi phạm pháp luật
a. Sử dụng tài liệu trong kỳ thi học kì	
b. Đánh nhau gây thương tích	
c. Nhận tiền để cho học viên thi đỗ	
d. Vứt rác bữa bãi trong lớp học	
e. Trộm cắp tài sản công dân	
g. Tham ô tài sản, nhận hối lộ.	
h. Buông hai tay khi điều khiển xe đạp	
i. Mượn sách, vở của bạn nhưng không trả lại	
k. Nhận tiền khi giải quyết thủ tục hành chính	

* **Đáp án** : Các hành vi vi phạm pháp luật: b, c, e, g, h, k

Các hành vi tham nhũng: c, g, k

2. Các hành vi vi phạm pháp luật dưới đây thuộc các loại vi phạm pháp luật nào và phải chịu trách nhiệm pháp lí nào? (hãy điền vào ô tương ứng). *Hãy cho biết hành vi nào là hành vi tham nhũng?*

Hành vi vi phạm pháp luật	Vi phạm pháp luật	Trách nhiệm pháp lí

a. Trốn thuế với số tiền là 5 triệu đồng		
b. Lợi dụng quyền hạn để nhận 3 triệu đồng của người khác và làm ngơ cho sai phạm của người đó.		
c. Vu khống người khác gây hậu quả nghiêm trọng		
d. Vi phạm hợp đồng kinh tế		
e. Kiểm lâm nhận 20 triệu đồng của lâm tặc và cho họ mang gỗ ra khỏi rừng.		
g. Uống rượu say, gây gỗ nơi làm việc		
h. Tụ tập, đánh nhau gây mất trật tự nơi công cộng		
i. Bắt giữ người trái pháp luật		
k. Thủ quỹ chiếm đoạt 10 triệu đồng của cơ quan.		
l. Gây thiệt hại cho tài sản của người khác		

*** Đáp án:**

- Vi phạm pháp luật hình sự và chịu trách nhiệm hình sự: b, c, e, i, k
- Vi phạm pháp luật hành chính và chịu trách nhiệm hành chính: a, h
- Vi phạm pháp luật dân sự và chịu trách nhiệm dân sự: d, l
- Vi phạm kỉ luật và chịu trách nhiệm kỉ luật: g
- *Hành vi tham nhũng: b, e, k*

*** Hoạt động tiếp nối**

- GV hướng dẫn HS về nhà học bài và chuẩn bị bài sau.
- Khuyến khích HS thu thập những thông tin về vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; *tìm hiểu về những vụ án tham nhũng và xử lí của pháp luật; các hoạt động phòng, chống tham nhũng của Nhà nước và nhân dân ta.*
- HS suy nghĩ sau bài học này bản thân rút ra được bài học gì.

Phần thứ tư

GỢI Ý KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH VỀ NỘI DUNG TÍCH HỢP PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

I- MỘT SỐ YÊU CẦU CHUNG

- Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh về phổ biến, giáo dục pháp luật phải theo yêu cầu chung của kiểm tra, đánh giá Quyết định số 40 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 05/10/2006 (40/2006/QĐ-BGDĐT) về Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông; đồng thời quán triệt tinh thần chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đổi mới kiểm tra, đánh giá môn Giáo dục công dân theo Thông báo số 300/TB- BGDĐT ngày 8/5/2009.

- Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh môn Giáo dục công dân nói chung và tích hợp nội dung phòng chống tham nhũng cần hướng vào các yêu cầu sau :

+ Quán triệt đặc trưng của môn học, môn GDCD là một môn học có tính tính thực tiễn và tính giáo dục cao. Dạy học môn GDCD không chỉ cung cấp kiến thức, mà điều quan trọng là hình thành các kỹ năng, thái độ và phương thức hành vi ứng xử ở học sinh. Vì vậy, cần khắc phục tình trạng thiên về kiểm tra tái hiện (ghi nhớ) kiến thức, tăng cường mức độ thông hiểu và yêu cầu học sinh vận dụng kiến thức theo hướng ra đề “mở” để học sinh liên hệ, phân tích, bình luận, biểu đạt chính kiến và định hướng hành vi của mình. Mặt khác, phải bảo đảm sự cân đối, hợp lý giữa các yêu cầu kiểm tra về kiến thức, kỹ năng và các yêu cầu về thái độ đối với học sinh. Bên cạnh việc kiểm tra kiến thức, cần chú ý kiểm tra các kỹ năng như kỹ năng nhận xét, đánh giá, kỹ năng vận dụng bài học để giải quyết các vấn đề, tình huống và thực hành trong cuộc sống; kiểm tra thái độ, tình cảm của học sinh đối với các vấn đề mà bài học đặt ra. Từ đó, thúc đẩy HS tích cực rèn luyện theo yêu cầu của các chuẩn mực bài học, rèn luyện năng lực tự học và tư duy độc lập.

+ Việc kiểm tra phải bảo đảm tính khách quan, toàn diện, khoa học và trung thực. Cụ thể kiểm tra phải đưa lại những thông tin chính xác, phản ánh đúng kết quả học tập của học sinh để trên cơ sở đó giáo viên có sự điều chỉnh phù hợp về phương pháp dạy học, điều chỉnh nhận thức, thái độ, hành vi của học sinh. Bài kiểm tra được coi là có độ tin cậy nếu kết quả đánh giá phản ánh đúng năng lực học tập của học sinh dựa theo các tiêu chí đánh giá.

+ Phải căn cứ vào chuẩn kiến thức, kỹ năng và yêu cầu về thái độ của môn học để xây dựng đề kiểm tra, từ đó mới xác định được mức độ đạt yêu cầu của chuẩn, làm căn cứ để điều chỉnh việc dạy và học nhằm nâng cao chất lượng dạy học.

+ Phải có sự phân hoá mức độ cho các loại đối tượng học sinh khác nhau nhằm khuyến khích HS phấn đấu vươn lên. Nhìn chung, đề kiểm tra phải phù hợp với số đông HS (đại trà) và dành một số nội dung cho HS khá và giỏi.

- Đổi mới công cụ kiểm tra, đánh giá :

+ Đổi mới các hình thức đề kiểm tra, kết hợp giữa hình thức trắc nghiệm khách quan, tự luận và hình thức quan sát hoạt động, nghiên cứu sản phẩm hoạt động của học sinh, các hình thức kiểm tra đánh giá thông qua các hoạt động ngoài lớp của học sinh, hoạt động thực hành, rèn luyện trong cuộc sống hằng ngày. Cần kết hợp một cách hợp lý giữa câu hỏi tự luận và câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong đề kiểm tra.

+ Kết hợp việc kiểm tra, đánh giá bằng điểm số với nhận xét của giáo viên. Trong các bài kiểm tra của học sinh, giáo viên phải nhận xét và sửa lỗi khi cho điểm. Việc nhận xét và sửa lỗi có tác dụng rất quan trọng trong việc giúp học sinh nhận thức được các lỗ hổng về kiến thức và kỹ năng cần khắc phục. Mặt khác, việc nhận xét, đánh giá kết quả học tập môn học của học sinh không nên chỉ căn cứ vào điểm số mà còn căn cứ vào tinh thần thái độ học tập và tham gia các hoạt động, việc thực hành rèn luyện trong cuộc sống.

- Phối hợp các lực lượng trong việc kiểm tra, đánh giá:

Để củng cố và tăng cường ý thức rèn luyện của học sinh ở mọi nơi, mọi lúc theo yêu cầu trên, trong đổi mới kiểm tra môn Giáo dục công dân cần có sự phối hợp tham gia của các lực lượng, cụ thể:

+ Tự kiểm tra, đánh giá và kiểm tra, đánh giá của học sinh và tập thể học sinh.

+ Kiểm tra, đánh giá của các lực lượng giáo dục trong nhà trường như giáo viên chủ nhiệm, các giáo viên bộ môn khác, cán bộ Đoàn.

+ Kiểm tra, đánh giá của gia đình và cộng đồng.

Để thực hiện việc tốt việc phối hợp các lực lượng trong việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh, giáo viên dạy môn Giáo dục công dân cần phải thường xuyên liên hệ, kịp thời thu nhận những thông tin nhận xét, đánh giá của các lực lượng trên về thái độ, hành vi của học sinh, mặt khác có những hình thức khuyến khích học sinh tự liên hệ, tự kiểm tra, tự đánh giá và kiểm tra, đánh giá lẫn nhau.

II- ĐỊNH HƯỚNG KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

1. Định hướng quản lí chỉ đạo đổi mới kiểm tra, đánh giá

- Phải có sự hướng dẫn, chỉ đạo chặt chẽ của các cấp QLGD.

- Phải có sự hỗ trợ của đồng nghiệp, nhất là GV cùng bộ môn (coi trọng vai trò của các tổ chuyên môn, là nơi trao đổi kinh nghiệm giải quyết mọi khó khăn, vướng mắc).

- Cần lấy ý kiến xây dựng của HS để hoàn thiện PPDH và KTĐG (việc thu thập ý kiến xây dựng của HS để giúp GV đánh giá đúng về mình, tìm ra con đường khắc phục các hạn chế, thiếu sót, hoàn thiện PPDH, đổi mới KTĐG là hết sức cần thiết).

2. Đối với bộ môn Giáo dục công dân

- Phải đảm bảo sự cân đối các yêu cầu kiểm tra về kiến thức (nhớ, hiểu, vận dụng), rèn luyện kĩ năng và yêu cầu về thái độ đối với học sinh và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập, rèn luyện năng lực tự học và tự duy độc lập (cả kiến thức và kĩ năng).

- Khắc phục tình trạng thiên về kiểm tra ghi nhớ kiến thức; tăng cường ra đề “mở” nhằm kiểm tra mức độ *thông hiểu* và *vận dụng tổng hợp tri thức* để giải quyết vấn đề; rèn luyện các kỹ năng và học sinh được tự do biểu đạt chính kiến khi trình bày

- Vận dụng linh hoạt các hình thức và xác định rõ yêu cầu về KTĐG phù hợp với thời lượng và tính chất đề kiểm tra:

+ Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Bao gồm kiểm tra miệng (cho điểm hoặc đánh giá bằng nhận xét) cần vận dụng linh hoạt giữa câu hỏi trắc nghiệm và tự luận. Khi kiểm tra miệng, cần chú ý rèn luyện kỹ năng nói, kỹ năng diễn đạt trước tập thể.

+ Trong kiểm tra, đánh giá học kì cần chú trọng đánh giá kỹ năng phân tích, tổng hợp, khái quát hoá kiến thức, rèn luyện khả năng vận dụng các kiến thức vào giải quyết các vấn đề trong học tập và thực tiễn, đặc biệt chú ý kỹ năng viết, kỹ năng trình bày một vấn đề.

+ Khuyến khích vận dụng các hình thức kiểm tra đánh giá thông qua các hoạt động học tập ngoài lớp học của học sinh như bài tập nghiên cứu nhỏ, dựa trên các hoạt động điều tra thực tế; tham quan thực tế, phân tích đánh giá các số liệu, ... và lấy điểm thay cho các bài kiểm tra trong lớp học.

+ Đối với những bài, nội dung hoạt động thực hành, ngoại khóa thì giáo viên có thể đánh giá kết quả học tập của học sinh bằng nhận xét hoặc cho điểm khi giao nhiệm vụ cho nhóm, cá nhân học sinh chuẩn bị, tổ chức hoạt động đó.

3. Đối với kiểm tra, đánh giá những bài có tích hợp nội dung phòng, chống tham nhũng trong môn Giáo dục công dân

- Khi đã đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào trong dạy học thì phải tiến hành kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.

- Nội dung kiểm tra cần thống nhất với nội dung được đưa vào dạy học trong bộ môn ở cấp THPT như :

+ Thế nào là tham nhũng;

+ Những biểu hiện tham nhũng;

+ Tác hại của tham nhũng;

+ Thái độ ứng xử của HS trước vấn đề tham nhũng.

.....

- Hình thức kiểm tra:

+ Bài kiểm tra có thể là toàn bộ nội dung về phòng, chống tham nhũng.

+ Bài kiểm tra kết hợp với những nội dung khác.

- Bài kiểm tra có thể kiểm tra viết, hoặc kiểm tra thông qua đánh giá học sinh làm bài tập nghiên cứu, viết báo cáo điều tra thực tế; báo cáo tham quan thực tế, phân tích đánh giá các số liệu, ...

- Mức độ kiến thức:

Phải cân đối giữa kiến thức, kỹ năng và thái độ.

+ Về kiến thức: Cân đối giữa mức độ biết, hiểu và vận dụng.

+ Về kỹ năng: rèn luyện khả năng trình bày nói và viết, đặc biệt là kỹ năng thực hành, vận dụng các nội dung phòng chống tham nhũng đã học vào nhìn nhận đánh giá những vấn đề bức xúc về tham nhũng đang diễn ra.

- Về thái độ:

Hình thành và phát triển ở HS những tình cảm, biết yêu cái tốt, cái đẹp; không đồng tình với các hành vi, việc làm tham nhũng.

Trân trọng và phát huy các giá trị truyền thống của dân tộc, hình thành hành vi và thói quen phù hợp với những giá trị đã học; giúp học sinh có sự thống nhất giữa ý thức và hành vi.

TƯ LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2012)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

2. Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi.

3. Người có chức vụ, quyền hạn bao gồm:

a) Cán bộ, công chức, viên chức;

b) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn - kỹ thuật trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân;

c) Cán bộ lãnh đạo, quản lý trong doanh nghiệp của Nhà nước; cán bộ lãnh đạo, quản lý là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp;

d) Người được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ có quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tài sản tham nhũng* là tài sản có được từ hành vi tham nhũng, tài sản có nguồn gốc từ hành vi tham nhũng.

2. *Công khai* là việc cơ quan, tổ chức, đơn vị công bố, cung cấp thông tin chính thức về văn bản, hoạt động hoặc về nội dung nhất định.

3. *Minh bạch tài sản, thu nhập* là việc kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai và khi cần thiết được xác minh, kết luận.

4. *Những nhiễu* là hành vi cửa quyền, hách dịch, gây khó khăn, phiền hà khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ.

5. *Vụ lợi* là lợi ích vật chất, tinh thần mà người có chức vụ, quyền hạn đạt được hoặc có thể đạt được thông qua hành vi tham nhũng.

6. *Cơ quan, tổ chức, đơn vị* bao gồm cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp của Nhà nước và cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước.

Điều 3. Các hành vi tham nhũng

1. Tham ô tài sản.
2. Nhận hối lộ.
3. Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản.
4. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi.
5. Lạm quyền trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi.
6. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng với người khác để trục lợi.
7. Giả mạo trong công tác vì vụ lợi.
8. Đưa hối lộ, môi giới hối lộ được thực hiện bởi người có chức vụ, quyền hạn để giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương vì vụ lợi.
9. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản của Nhà nước vì vụ lợi.
10. Những nhiễu vì vụ lợi.
11. Không thực hiện nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi.
12. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật vì vụ lợi; cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án vì vụ lợi.

Điều 5. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị và người có chức vụ, quyền hạn

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm sau đây:

a) Tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

b) Tiếp nhận, xử lý kịp thời báo cáo, tố giác, tố cáo và thông tin khác về hành vi tham nhũng;

c) Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người phát hiện, báo cáo, tố giác, tố cáo hành vi tham nhũng;

d) Chủ động phòng ngừa, phát hiện hành vi tham nhũng; kịp thời cung cấp thông tin, tài liệu và thực hiện yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong quá trình phát hiện, xử lý người có hành vi tham nhũng.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm sau đây:

a) Chỉ đạo việc thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Gương mẫu, liêm khiết; định kỳ kiểm điểm việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ và trách nhiệm của mình trong việc phòng ngừa, phát hiện hành vi tham nhũng, xử lý người có hành vi tham nhũng;

c) Chịu trách nhiệm khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách.

3. Người có chức vụ, quyền hạn có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện nhiệm vụ, công vụ đúng quy định của pháp luật;

b) Gương mẫu, liêm khiết; chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp;

c) Kê khai tài sản theo quy định của Luật này và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của việc kê khai đó.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong phòng, chống tham nhũng

Công dân có quyền phát hiện, tố cáo hành vi tham nhũng; có nghĩa vụ hợp tác, giúp đỡ cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc phát hiện, xử lý

người có hành vi tham nhũng.

Điều 10. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Các hành vi quy định tại Điều 3 của Luật này.
2. Đe dọa, trả thù, trù dập người phát hiện, báo cáo, tố giác, tố cáo, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng.
3. Lợi dụng việc tố cáo tham nhũng để vu cáo, vu khống cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác.

Điều 12. Hình thức công khai

1. Hình thức công khai bao gồm:
 - a) Công bố tại cuộc họp của cơ quan, tổ chức, đơn vị;
 - b) Niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị;
 - c) Thông báo bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan;
 - d) Phát hành ấn phẩm;
 - đ) Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng;
 - e) Đưa lên trang thông tin điện tử;
 - g) Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Trong trường hợp pháp luật không có quy định về hình thức công khai, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải thực hiện một hoặc một số hình thức công khai quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 1 Điều này. Ngoài ra, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thể lựa chọn thêm hình thức công khai quy định tại điểm a, điểm g khoản 1 Điều này.

Điều 13. Công khai, minh bạch trong mua sắm công và xây dựng cơ bản

1. Việc mua sắm công và xây dựng cơ bản phải được công khai theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp mua sắm công và xây dựng cơ bản mà pháp luật quy định phải đấu thầu thì nội dung công khai bao gồm:

a) Kế hoạch đấu thầu, mời sơ tuyển và kết quả sơ tuyển, mời thầu;

b) Danh mục các dự án chỉ định thầu, lý do chỉ định thầu, thông tin về nhà thầu được chỉ định; danh mục các dự án đấu thầu hạn chế, nhà thầu tham gia đấu thầu hạn chế, danh sách ngăn nhà thầu tham gia đấu thầu hạn chế, lý do đấu thầu hạn chế, kết quả lựa chọn nhà thầu;

c) Thông tin về cá nhân, tổ chức thuộc chủ dự án, bên mời thầu, nhà thầu, cơ quan quản lý hoặc đối tượng khác vi phạm pháp luật về đấu thầu; thông tin về nhà thầu bị cấm tham gia và thông tin về xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu;

d) Văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu, hệ thống thông tin dữ liệu về đấu thầu;

đ) Báo cáo tổng kết công tác đấu thầu trên phạm vi toàn quốc của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; báo cáo tổng kết công tác đấu thầu của bộ, ngành, địa phương và cơ sở;

e) Thẩm quyền, thủ tục tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong đấu thầu.

Điều 14. Công khai, minh bạch trong quản lý dự án đầu tư xây dựng

1. Trong quản lý dự án đầu tư xây dựng, phải công khai, minh bạch các nội dung sau đây:

a) Báo cáo tiền khả thi, báo cáo khả thi, báo cáo đánh giá tác động kinh tế - xã hội; các mục tiêu, dự kiến kết quả, các nhóm hoạt động chính và đối tượng thụ hưởng trong quá trình lập dự án;

b) Quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch thực hiện dự án;

c) Báo cáo tiến độ, báo cáo kết quả thực hiện dự án, báo cáo đánh giá thực hiện dự án và báo cáo kết thúc dự án.

2. Dự án quy hoạch đầu tư xây dựng phải được lấy ý kiến của nhân dân địa

phương nơi quy hoạch về nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và sau khi được phê duyệt phải được công khai về các nội dung quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này.

3. Dự án đầu tư xây dựng từ ngân sách địa phương phải được Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

4. Dự án đầu tư xây dựng sau khi được quyết định, phê duyệt phải được công khai về nội dung quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này để nhân dân giám sát.

Điều 15. Công khai, minh bạch về tài chính và ngân sách nhà nước

1. Các cấp ngân sách, đơn vị dự toán ngân sách phải công khai chi tiết số liệu dự toán và quyết toán đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, phê chuẩn, kể cả khoản ngân sách bổ sung.

2. Đơn vị dự toán ngân sách có nguồn thu và các khoản chi từ các khoản đóng góp của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật phải công khai mục đích huy động, kết quả huy động và hiệu quả việc sử dụng các nguồn huy động.

3. Tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ phải công khai các nội dung sau đây:

a) Số liệu dự toán, quyết toán;

b) Khoản đóng góp của tổ chức, cá nhân (nếu có);

c) Cơ sở xác định mức hỗ trợ và số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ.

4. Dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn từ ngân sách nhà nước phải công khai các nội dung sau đây:

a) Việc phân bổ vốn đầu tư trong dự toán ngân sách nhà nước được giao hằng năm cho các dự án;

b) Dự toán ngân sách của dự án đầu tư theo kế hoạch đầu tư được duyệt, mức vốn đầu tư của dự án được giao trong dự toán ngân sách năm;

c) Quyết toán vốn đầu tư của dự án hằng năm;

d) Quyết toán vốn đầu tư khi dự án hoàn thành đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước phải công khai các nội dung sau đây:

a) Quy chế hoạt động và cơ chế tài chính của quỹ;

b) Kế hoạch tài chính hằng năm, trong đó chi tiết các khoản thu, chi có quan hệ với ngân sách nhà nước theo quy định của cấp có thẩm quyền;

c) Kết quả hoạt động của quỹ;

d) Quyết toán năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Việc phân bổ, sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước cho các dự án, chương trình mục tiêu đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phải công khai cho cơ quan, tổ chức, đơn vị hữu quan và nhân dân nơi trực tiếp thụ hưởng biết.

7.⁷ Cơ quan thuế, cơ quan hải quan và cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có thu phí, lệ phí phải công khai căn cứ tính mức thu, số thu thực tế, đối tượng miễn, giảm và căn cứ miễn, giảm các khoản thu ngân sách.

Điều 16. Công khai, minh bạch việc huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân

1. Việc huy động các khoản đóng góp của nhân dân để đầu tư xây dựng công trình, lập quỹ trong phạm vi địa phương phải lấy ý kiến nhân dân và được Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

2. Việc huy động, sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân quy định tại khoản 1 Điều này phải được công khai để nhân dân giám sát và phải chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

3. Nội dung phải công khai bao gồm mục đích huy động, mức đóng góp,

việc sử dụng, kết quả sử dụng và báo cáo quyết toán.

4. Công trình cơ sở hạ tầng tại xã, phường, thị trấn sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân phải công khai các nội dung sau đây:

- a) Nội dung phải công khai quy định tại khoản 3 Điều này;
- b) Dự toán cho từng công trình theo kế hoạch đầu tư được duyệt;
- c) Nguồn vốn đầu tư cho từng công trình;
- d) Kết quả đã huy động của từng đối tượng cụ thể, thời gian huy động;
- đ) Kết quả lựa chọn nhà thầu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- e) Tiến độ thi công và kết quả nghiệm thu khối lượng, chất lượng công trình và quyết toán công trình.

5. Việc huy động, sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân vì mục đích từ thiện, nhân đạo được thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 17. Công khai, minh bạch việc quản lý, sử dụng các khoản hỗ trợ, viện trợ

Việc quản lý, phân bổ, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) được thực hiện theo quy định tại Điều 15 của Luật này. Đối với các khoản viện trợ phi chính phủ phải được công khai cho các đối tượng thụ hưởng biết.

Điều 18. Công khai, minh bạch trong quản lý doanh nghiệp nhà nước

1. Doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm công khai các nội dung sau đây:
 - a) Vốn và tài sản của Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;
 - b) Vốn và tài sản của doanh nghiệp đầu tư vào công ty con, công ty liên kết;
 - c) Các khoản đầu tư ngoài ngành nghề kinh doanh chính;
 - d) Vốn vay ưu đãi;
 - đ) Báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán;

e) Việc lập và sử dụng quỹ của doanh nghiệp;

g) Việc bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý;

h) Họ, tên, nhiệm vụ, lương và các khoản thu nhập khác của người trong Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng.

2. Hằng năm, doanh nghiệp nhà nước do Thủ tướng Chính phủ thành lập phải báo cáo bằng văn bản các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này với Bộ Tài chính, bộ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực kinh doanh chính và Thanh tra Chính phủ.

Hằng năm, doanh nghiệp nhà nước do Bộ trưởng thành lập phải báo cáo bằng văn bản các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này với Bộ Tài chính, bộ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực kinh doanh chính, Thanh tra Chính phủ và Thanh tra bộ chủ quản.

Hằng năm, doanh nghiệp nhà nước do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thành lập phải báo cáo bằng văn bản các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này với Sở tài chính, sở quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực kinh doanh chính và Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Điều 19. Công khai, minh bạch trong cổ phần hoá doanh nghiệp của Nhà nước

1. Việc cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước phải công khai, minh bạch; không được cổ phần hoá khép kín trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh nghiệp được cổ phần hoá có trách nhiệm công khai báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán, phương án, kế hoạch cổ phần hóa doanh nghiệp.

2. Cơ quan cử người đại diện phần vốn của Nhà nước ở doanh nghiệp có trách nhiệm công khai giá trị doanh nghiệp được cổ phần hoá và việc điều chỉnh giá trị doanh nghiệp (nếu có).

3. Việc bán cổ phần lần đầu của doanh nghiệp được cổ phần hoá phải thực hiện bằng phương thức bán đấu giá.

Điều 21. Công khai, minh bạch trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường

1. Trong lĩnh vực về đất đai, phải công khai, minh bạch các nội dung sau đây:

a) Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Trong quá trình lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, cơ quan, tổ chức thực hiện việc lập quy hoạch, kế hoạch đó phải công khai cho nhân dân địa phương nơi được quy hoạch, điều chỉnh biết;

b) Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, việc thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, mức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, phê duyệt hoặc điều chỉnh;

c) Trình tự, thủ tục, thẩm quyền và việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quy hoạch chi tiết và việc phân lô đất ở, đối tượng được giao đất làm nhà ở;

d) Các khoản thu tài chính cho ngân sách nhà nước từ việc quản lý, sử dụng đất và các khoản miễn, giảm tiền sử dụng đất, thuê đất.

2. Trong lĩnh vực về khoáng sản và tài nguyên nước, phải công khai, minh bạch các nội dung sau đây:

a) Quy hoạch khoáng sản;

b) Trình tự, thủ tục, thẩm quyền và việc cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép về hoạt động khoáng sản, thủ tục thẩm định, phê duyệt trữ lượng khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản;

c) Việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản và khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và các khoản thu ngân sách từ việc quản lý, khai thác, sử dụng khoáng sản;

d) Trình tự, thủ tục, thẩm quyền và việc cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

3. Trong quản lý nhà nước về môi trường, phải công khai, minh bạch các nội dung sau đây:

a) Điều kiện hành nghề và thủ tục lập hồ sơ, đăng ký, cấp giấy phép hành nghề, mã số quản lý chất thải;

b) Trình tự, thủ tục thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;

c) Quy hoạch thu gom, tái chế, xử lý chất thải.

Điều 22. Công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng nhà ở

1. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục và việc cấp giấy phép xây dựng nhà ở và giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở phải được công khai.

2. Việc hoá giá nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, đối tượng được hoá giá nhà ở và các khoản tiền phải nộp khi hoá giá nhà ở phải được công khai.

3. Việc bán nhà ở cho người tái định cư, người có thu nhập thấp và những đối tượng ưu tiên khác phải được công khai.

Điều 23. Công khai, minh bạch trong lĩnh vực giáo dục

1. Việc tuyển sinh, thi, kiểm tra, cấp văn bằng, chứng chỉ phải được công khai.

2. Cơ quan quản lý giáo dục phải công khai việc quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước, cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nguồn lực tài chính cho hoạt động giáo dục; khoản hỗ trợ, các khoản đầu tư

cho giáo dục và khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

3. Cơ sở giáo dục công lập phải công khai cam kết chất lượng giáo dục và kết quả kiểm định chất lượng giáo dục; điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục; việc thu, quản lý, sử dụng học phí, lệ phí tuyển sinh, các khoản thu từ hoạt động tư vấn, chuyển giao công nghệ, khoản hỗ trợ, đầu tư cho giáo dục và khoản thu, chi tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Công khai, minh bạch trong lĩnh vực y tế

1. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục và việc cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề y, dược tư nhân, giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề cho các cơ sở hành nghề y, dược phải được công khai.

2. Cơ quan quản lý y tế, cơ sở khám, chữa bệnh có sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước phải công khai việc thu, quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước, giá thuốc, việc thu, quản lý, sử dụng các loại phí liên quan đến việc khám, chữa bệnh và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Công khai, minh bạch trong lĩnh vực khoa học - công nghệ

1. Việc xét, tuyển chọn, giao trực tiếp, tài trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học - công nghệ và việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học - công nghệ phải được tiến hành công khai.

2. Cơ quan quản lý khoa học - công nghệ, đơn vị nghiên cứu khoa học - công nghệ phải công khai việc quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước, các khoản hỗ trợ, viện trợ, đầu tư, các khoản thu từ hoạt động khoa học- công nghệ.

Điều 26. Công khai, minh bạch trong lĩnh vực thể dục, thể thao

Cơ quan quản lý thể dục, thể thao, Ủy ban Ô-lim-pích Việt Nam, các liên đoàn thể thao, cơ sở thể dục, thể thao có trách nhiệm công khai việc quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước, các khoản thu từ hoạt động và dịch vụ thể dục, thể thao, khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài cho hoạt động thể dục, thể thao.

Điều 26a. Công khai, minh bạch trong lĩnh vực văn hóa, thông tin, truyền thông

Trong lĩnh vực văn hóa, thông tin, truyền thông, phải công khai, minh bạch các nội dung sau đây:

1. Việc lập, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch về văn hóa, thông tin, truyền thông;
2. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền và việc cấp phép, gia hạn, thu hồi giấy phép hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thông tin, truyền thông.

Điều 26d. Công khai, minh bạch trong việc thực hiện chính sách dân tộc

Trong việc thực hiện chính sách dân tộc, phải công khai, minh bạch các nội dung sau đây:

1. Điều kiện, tiêu chuẩn của đối tượng thụ hưởng, mức thụ hưởng; trình tự, thủ tục, thẩm quyền thực hiện chính sách dân tộc thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số khó khăn, đặc biệt khó khăn;
2. Việc thực hiện các chương trình, dự án vùng đồng bào dân tộc thiểu số khó khăn, đặc biệt khó khăn;
3. Báo cáo kết quả thực hiện chính sách dân tộc.

Điều 27. Công khai, minh bạch trong hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiểm toán nhà nước

1. Hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiểm toán nhà nước phải được tiến hành công khai theo quy định của pháp luật.
2. Văn bản, quyết định sau đây phải được công khai, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác:
 - a) Quyết định thanh tra, kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra;
 - b) Quyết định giải quyết khiếu nại;
 - c) Kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo;
 - d) Báo cáo kiểm toán; báo cáo thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của

Kiểm toán Nhà nước.

Điều 28. Công khai, minh bạch trong hoạt động giải quyết các công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền quản lý trong lĩnh vực nhà, đất, xây dựng, đăng ký kinh doanh, xét duyệt dự án, cấp vốn ngân sách nhà nước, tín dụng, ngân hàng, xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quản lý hộ khẩu, thuế, hải quan, bảo hiểm và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác trực tiếp giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân phải công khai thủ tục hành chính, giải quyết đúng thời hạn, đúng pháp luật và đúng yêu cầu hợp pháp của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có quyền đề nghị với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết công việc của mình giải thích rõ những nội dung có liên quan. Khi nhận được đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thì cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải kịp thời giải thích công khai.

3. Trong trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải thích chưa thoả đáng hoặc cố tình gây khó khăn, phiền hà thì cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có quyền kiến nghị lên cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó.

Điều 29. Công khai, minh bạch trong lĩnh vực tư pháp

Việc thụ lý, điều tra, truy tố, kiểm sát, xét xử, thi hành án phải được công khai theo quy định của pháp luật về tố tụng và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 30. Công khai, minh bạch trong công tác tổ chức - cán bộ⁸

Trong công tác tổ chức - cán bộ, phải công khai, minh bạch các nội dung sau đây:

1. Tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động khác vào cơ quan, tổ chức, đơn vị;

2. Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức;
3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức, cho thôi việc, cho thôi giữ chức vụ, hưu trí đối với cán bộ, công chức, viên chức;
4. Chuyển ngạch, nâng ngạch, luân chuyển, điều động, biệt phái đối với cán bộ, công chức, viên chức;
5. Nâng lương, thưởng, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức và người lao động khác;
6. Việc thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể các đơn vị trực thuộc.

Điều 31. Quyền yêu cầu cung cấp thông tin của cơ quan, tổ chức

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan báo chí trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin về hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình theo quy định của pháp luật.

2. Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu, cơ quan, tổ chức, đơn vị được yêu cầu phải cung cấp thông tin, trừ trường hợp nội dung thông tin đã được công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, được phát hành ấn phẩm hoặc niêm yết công khai; trường hợp không cung cấp hoặc chưa cung cấp được thì phải trả lời bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức yêu cầu biết và nêu rõ lý do.

Điều 32. Quyền yêu cầu cung cấp thông tin của cá nhân

1. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động khác có quyền yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi mình làm việc cung cấp thông tin về hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó.

2. Công dân có quyền yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi mình cư trú cung cấp thông tin về hoạt động của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đó.

3. Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu, người được yêu cầu phải cung cấp thông tin; trường hợp chưa cung cấp hoặc nội dung được yêu cầu đã được công khai thì phải trả lời cho người yêu cầu biết.

Điều 32a. Trách nhiệm giải trình

1. Khi có yêu cầu, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải giải trình về quyết định, hành vi của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao trước cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, lợi ích hợp pháp bị tác động trực tiếp bởi quyết định, hành vi đó.

2. Chính phủ quy định chi tiết về trách nhiệm của cơ quan có nghĩa vụ giải trình; trình tự, thủ tục của việc giải trình.

Điều 33. Công khai báo cáo hằng năm về phòng, chống tham nhũng

1. Hằng năm, Chính phủ có trách nhiệm báo cáo Quốc hội về công tác phòng, chống tham nhũng trong phạm vi cả nước; Ủy ban nhân dân có trách nhiệm báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp về công tác phòng, chống tham nhũng ở địa phương.

2. Báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng phải được công khai.

Điều 69. Xử lý đối với người có hành vi tham nhũng

Người có hành vi tham nhũng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, truy cứu trách nhiệm hình sự; trong trường hợp bị kết án về hành vi tham nhũng và bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì phải bị buộc thôi việc; đối với đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân thì đương nhiên mất quyền đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Bộ Luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009)

Điều 278. Tội tham ô tài sản (trích)

1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị

phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

- a) Gây hậu quả nghiêm trọng;
 - b) Đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm;
 - c) Đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục A Chương này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm.
-

Điều 279. Tội nhận hối lộ

1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn, trực tiếp hoặc qua trung gian đã nhận hoặc sẽ nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác dưới bất kỳ hình thức nào có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới mười triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây để làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

- a) Gây hậu quả nghiêm trọng;
- b) Đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm;
- c) Đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục A Chương này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm.

MỤC LỤC

	Trang
1.Lời nói đầu	1
2. Chỉ thị số 10/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 12 tháng 6 năm 2013 về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014	3
3. <i>Phần thứ nhất:</i> Một số vấn đề chung về phòng, chống tham nhũng	7
4. <i>Phần thứ hai:</i> Nội dung tích hợp giáo dục phòng, chống tham nhũng trong môn Giáo dục Công dân cấp Trung học phổ thông	31
5. <i>Phần thứ ba:</i> Phương pháp dạy học nội dung tích hợp giáo dục phòng, chống tham nhũng trong môn Giáo dục Công dân cấp Trung học phổ thông	38
6. <i>Phần thứ tư:</i> Gợi ý kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh về nội dung tích hợp phòng, chống tham nhũng trong môn Giáo dục công dân cấp Trung học phổ thông	71
7. Tư liệu tham khảo	76